

**DANH MỤC NGUYÊN LIỆU LÀM THUỐC ĐƯỢC PHÉP NHẬP KHẨU KHÔNG YÊU CẦU GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
THUỐC TRONG NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC CẤP SỐ ĐĂNG KÝ trước 01/07/2014**

(Đính kèm công văn số 5201 /QLD-ĐK ngày 20 tháng 04 năm 2017 của Cục Quản lý Dược)

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Loberin	VD-6646-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Berberin hydroclorid	JP 16	Northeast Pharmaceutical Group C., Ltd	19th floor, Block B, Chamber of Commerce Headquarter MansionNo.51, The Youth Street, Shenhe District, Shenyang China	China
Unikids	VD-6687-09	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Lysine HCl	USP 36	Shijiazhuang Shixing Amino acid Co., Ltd.	Jiacun Indu. Zone, Gaocheng city, Hebei, China.	China
Unikids	VD-6687-09	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Calcium glycerophosphate	BP 2013	Dr. Paul Lohmann GmbH KG	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal, Germany	Germany
Unikids	VD-6687-09	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Acid glycerophosphoric	NSX	Givaudan- Lavirotte.	56, rue Paul Cazeneuve 69008 Lyon - France	France
Unikids	VD-6687-09	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Vitamin B1 (thiamine hydrochloride)	EP 7	DSM Nutritional Products GmbH	Postfach 1145, D-79 629 Grenzach-Wyhlen, Germany	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Unikids	VD-6687-09	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Riboflavin phosphate sodium	USP 35	DSM Nutritional Products France SAS.	BP 170, F-68 305 Saint- Louis Cedex	France
Unikids	VD-6687-09	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Vitamin B6 (pyridoxine hydrochloride)	USP 38	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Unikids	VD-6687-09	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Vitamin PP (nicotinamide)	BP 2015	Western drugs limited	F-271 (A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur - 313003 (Raj.)	India
Unikids	VD-6687-09	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Vitamin E (dl - alpha tocopheryl acetate)	USP 37	Zhejiang Medicine Co., Ltd	98 East Xinchang Dadao Road, Xinchang, Zhejiang, 312500 P.R	China
Acetab 500	VD-6714-09	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Anqiu lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Acetab 500	VD-6714-09	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co. Ltd.	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou Country, Hengshui City, Hebei Province	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Acetab 500 (VNBP)	VD-6715-09	Gia hạn đến 28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Anqiu lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Acetab 500 (VNBP)	VD-6715-09	28/6/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Paracetamol	BP 2014	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co. Ltd.	Xijingming Village, Donganzhuang Township, Shenzhou Country, Hengshui City, Hebei Province	China
Calcinplus	VD-6756-09	28/6/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin A	BP 2014	Basf - The Chemical Company	Carl-Bosch - Str.3867056 Ludwigshafen Germany	Germany
Calcinplus	VD-6756-09	28/6/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin D3	BP 2014	Xinmen Kingdomway Group Company	Xinyang industry Area, Haicang Investment Zone, Xiamen 361022, China	China
Calcinplus	VD-6756-09	28/6/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Calci hydrophosphat	USP 37	Lianyungang Dongtai Food Ingredients Co., Ltd, China	No. 28, Wuqiang Rd., Dunshang Town, Ganyu County, Lianyungang, Jiangsu, China	China
Calcinplus	VD-6756-09	28/6/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Calci carbonat	USP 37	Sudeep Pharma Ltd	129/1/A GIDC, Nandesari Vadodara – 391340 Gujarat	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hemovit	VD-6764-09	28/6/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Ferrous fumarat	BP 2014	Polydrug Laboratories Pvt Ltd	Ambernath Industrial Area	India
Hemovit	VD-6764-09	28/6/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Acid Folic	BP 2014	Hebei Jiheng Pharmaceutical Co, Ltd	No 368 Jianshe street, Hengshui city, Hebei Province, China	China
Hemovit	VD-6764-09	28/6/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B12	BP 2014	Hebei Yuxing Bioengineering Co., Ltd	Ningjin higher and new technology developing are Hebei, China	China
Pemecar	VD-6767-09	28/6/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B1	BP 2014	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi 333300, China.	China
Pemecar	VD-6767-09	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B2	BP 2014	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrian Zone Leping, Jiangxi 333300, China	China
Pemecar	VD-6767-09	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B6	BP 2014	Shanghai Chenfu Chemical Co., Ltd	1269 Cheting Road, Yexie Town, Songjiang District, Shanghai, 201609, Chine Provence, Shanghai, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Rocitriol	VD-6792-09	28/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Calcitriol	EP7.0/USP 35	Cerbios-Pharma Sa	Via Figino 6, CH-6917 Barbengo/Lugano Switzerland	Switzerland
Zinzin	VD-6796-09	28/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Ascorbic acid	BP2012/USP3 6/EP7.5	Shandong Luwei Pharmaceutical Co., Ltd	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo City, Shandong,	China
Zinzin	VD-6796-09	28/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Thiamin Mononitrate	BP2013/USP3 6	Huazhong Pharmaceutical Co.,Ltd	No.71 West Chunyuan RD.Xiangyang City, Hubei Province, China	China
Zinzin	VD-6796-09	28/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Pyridoxine Hydrochloride	BP2013/USP3 6 /38	Huazhong Pharmaceutical Co.,Ltd	No.71 West Chunyuan RD.Xiangyang City, Hubei Province, China	China
Zinzin	VD-6796-09	28/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Me Di Sun	Zinc Gluconate	USP38	Zhengzhou Ruipu Biological Engineering Co., Ltd	No.29, Huilan Road, Hi- Tech Industries Development Zone, Zhengzhou China 450001	China
Lovegra 100 (Sildenafil 100mg)	VD-6851-09	02/6/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Sildenafil citrate	USP38	1/Rakshit drugs pvt ltd 2/SMS Pharmaceuticals Ltd.	1/Plot No: 425/ 3RT, Rakshit House, Sanjeeva Reddy Nagar, Hyderabad, Telangana 500038, 2/ No 180/2, Kazipalli Village, Jinnaram (M), Medak District - 502 319, A.P	1/ India 2/ India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Zentoprednol (Methylprednisol on 16mg)	VD-6855-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Methylprednisolone	EP8	1/ Yueyang huanyu pharmaceutical co. ltd. 2/ Zhejiang xianju pharmaceutical co., ltd	1/ Linxiang Ruxi Industrial Park, Huaman 414300 2/ No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, , P.C: 317300	1/ China 2/ China
Zentoprednol (Methylprednisol on 4mg)	VD-6856-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Methylprednisolone	EP8	1/ Yueyang huanyu pharmaceutical co. ltd. 2/ Zhejiang xianju pharmaceutical co., ltd	1/ Linxiang Ruxi Industrial Park, Huaman 414300 2/ No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, , P.C: 317300	1/ China 2/ China
Fepa	VD-6970-09	31/05/2017	Cty Cp Dược VTYT Thái Bình	Paracetamol (powder)	BP 2014, 2015, 2016/ USP35, 36, 37, 38, 39	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000, .	China
Fepa	VD-6970-09	31/05/2017	Cty Cp Dược VTYT Thái Bình	Paracetamol (powder)	USP35	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd	No. 35, Weixu North Road, Anqui City, Shandong Province, .	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fepa	VD-6970-09	31/05/2017	Cty Cp Dược VTYT Thái Bình	Paracetamol (powder)	USP 36	Anhui BBKA Pharmaceutical Co., Ltd	High & New Technology Industries Development Zone, Bengbu City, Anhui Province,	China
Dexamethason	VD-6975-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Dexamethason natri phosphat	USP 39	Zhejiang xianju pharmaceuticalc o., ltd	No 1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
Muconersi	VD-6977-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acetylcystein	USP 35	Ningbo yuanfa bioengineering Co.,Ltd	Fanshidu Village, Jiangshan, Yinzhou distric, Ningbo 315100 China	China
Muconersi	VD-6977-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Acetylcystein	USP 35	Wuhan Grand Hoyo Co.,Ltd	No 1 Industrial Park, Gedian Economy Development Zone, China-436 030 Ezhou, Hubei Province	China
AMDICOR 5	VD-6983-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Amlodipine besilate	EP8	Cadila Healthcare Ltd.	Unit - 2 5/1-B, GIDC Industrial Estate, Ankleshwar - 393 002 Gujarat, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Actagin	VD-6993-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Retinyl palmitate tocopherol	USP 35→39	DSM Nutrional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Actagin	VD-6993-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Pyridoxine Hydrochloride	USP 35→39	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	Le'anjiang Industrial Zone Leping, Jiangxi 333300	China
Actagin	VD-6993-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Riboflavin Universal	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
Actagin	VD-6993-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Thiamin Hydrochloride	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
Actagin	VD-6993-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Calcium D-Panthonate	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products Ltd	Drakemyre Dalry Ka24 5JJ	UK

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Actagin	VD-6993-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	VC Acid Ascorbic 325 Mesh	EP 7.0→9.0	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., Ltd	Jiangshang road, Jingjiang, Jiangsu (214500)	China
Actagin	VD-6993-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Dry vitamin D3 100 CWS	USP 35→39	DSM Nutrional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Actagin	VD-6993-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin E (DL- alpha Tocopheryl acetate)	USP 35→39	BASF SE	Carl-Bosch-Str, 38, 67056 Ludwighafen	Germany
Actagin	VD-6993-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Niacinamide	EP 7.0→9.0	Lonza Guangzhou Nansha LTD	68 Huangge Dadaobei, Nansha District, Guangzhou	China
Actagin	VD-6993-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Acid Folic	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Actagin	VD-6993-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cyanocobalamine Crystalline	EP 7.0→9.0	Sanofi Chimie	BP 80125-76410 Saint- Aubin-les Elbeuf	France
Furocap 250	VD-7001-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	cefuroxim axetil amorphous	USP 35→39	Covalent Laboratoires Private limited	No. 374, Gundla machanoor Village, hathnoor mandal, Medak Dist - 502 296, Andhra Pradesh	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Furocap 500	VD-7002-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	cefuroxim axetil amorphous	USP 35→39	Covalent Laboratoires Private limited	No. 374, Gundla machanoor Village, hathnoor mandal, Medak Dist - 502 296, Andhra Pradesh	India
Multiplex	VD-7008-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Retinyl Palmitate tocopherol	USP 35→39	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Multiplex	VD-7008-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Riboflavin Universal	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
Multiplex	VD-7008-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Thiamine Hydrochloride	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
Multiplex	VD-7008-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Niacinamide	EP 7.0→9.0	Lonza Guangzhou Nansha LTD	68 Huangge Dadaobei, Nansha District, Guangzhou	China
Multiplex	VD-7008-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Acid Ascorbic fine powder	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products Ltd	Drakemyre Dalry Ka24 5JJ	UK
Multiplex	VD-7008-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Dry vitamin D3 100 CWS	USP 35→39	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Multiplex	VD-7008-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin E (DL- alpha Tocopheryl acetate)	USP 35→39	BASF SE	Carl-Bosch-Str, 38, 67056 Ludwighafen	Germany
Tatanol caps.	VD-7021-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Paracetamol	EP 7.0→9.0	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe street, Hengshui City, Hebei Province	China
CATHAXIN	VD-7163-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 34	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Provine, 053000 P.R. China	China
CATHAXIN	VD-7163-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Natri benzoat	ĐĐVN IV	Emerald performance material kalama chemical	1296 Third street N.W. Kalama, Washington, USA, 98625	USA
CATHAXIN	VD-7163-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Guaifenesin	USP 34	Zhejiang Jianfeng Haizhen pharmaceutical	Yanhai Industrial Zone Linhai City, Zhejiang, China	China
CATHAXIN	VD-7163-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Oxomemazin hydroclorid	NSX	Taro Pharmaceutical industrial	Euro park-Italia House Industry Park Yakem 60972, Israel	Israel
DEXAMETHAS ON	VD-7165-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexamethason acetat	ĐĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
DEXAMETHAS ON	VD-7166-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexamethason acetat	ĐĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PREDNISON □	VD-7171-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexamethason acetat	ĐĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China
TUSSICAPS	VD-7186-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 34	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Provine, 053000 P.R. China	China
TUSSICAPS	VD-7186-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Natri benzoat	ĐĐVN IV	Emerald performance material kalama chemical	1296 Third street N.W. Kalama, Washington, USA, 98625	USA
TUSSICAPS	VD-7186-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Promethazin hydroclorid	BP2013	Harika Drugs Private Limited	Gummadidala, Medak District, Telangana, India	India
TUSSICAPS	VD-7186-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Eucalyptol	USP 29	Tien Yuan Chemical (PET)., Ltd	18 Chin Bee Road Singapore 619827	Singapore
TUSSICAPS	VD-7186-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	L-Menthol	ĐĐVN IV	Sharp Mint Limited	Plot No.9, P.O. Box 7664, Olympia., LSC, Gujranwala Town-1, WA98507, USA., North West Delhi, India	India
FERLIN	VD-7196-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Thiamine Hydrochloride	USP 30	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Str. 3, D- 79639 Grenzach- Wyhlen	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
FERLIN	VD-7196-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Pyridoxine Hydrochloride	USP 30	BASF (Zhejiang Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.)	No. 215 Fengze Road, Tiantai, Zhejiang 317200	China
FERLIN	VD-7196-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Cyanocobalamin	USP 30	North China Pharma Victor	No.9 Zhaiying North Street, Shijiazhuang, Hebei	China
FERLIN	VD-7196-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Folic Acid	USP 30	DSM Nutritional Products Ltd.	Zweigniederlassung Werk Sisseln, Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
FERLIN	VD-7196-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Ferrous Sulfate	USP 30	Dr. Paul Lohmann GmbH KG	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pharbacol Extra	VD-7288-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Paracetamol	USP38/ BP2016/EP8	1/ Jiangsu World kindly Pharmaceutical Co., ltd 2/ Tianjin Bofa Pharmaceutical Co.,Ltd 3/ Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co.,Ltd. 4/ Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd 5/ Granules India Limited	1/ No. 88 Shili Street, Taixing, Taizhou, Jiangsu, 2/ No.1, Bofa Street, Junliang Cheng Industrial Zone, Dongli District, Tianjin, 3/ No 368 Jianshe street, Hengshui City, Hebei Province 053000 . 4/ No. 35. Weixu North Road. Anqiu, Shandong 5/ 2nd Floor, 3rd Block, My Home Hub, Madhapur, Hyderabad- 500 081 (TG)	1/ China 2/ China 3/ China 4/ China 5/ India
MEKOCEFAL 250	VD-7330-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Cefadroxil monohydrate	EP8 USP38 BP2015	DSM Sinochem Pharmaceuticals Spain S.A	Calle Ripolles, 2, Sta. Perpetua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain	Spain

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Crocin 200mg	VD-7334-09	31/05/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefixime trihydrate	USP 35→39	Hetero labs limited (Unit- III)	S.Nos.120,128,150 (part), 150/1, 150/2& 158/1, N.Narasapuram(Vill), Nallamatipalem(V), Nakkapalli(mandal), Visakhapatnam Dist, Andhra Pradesh	India
Bivikiddy	VD-7389-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Retinyl palmitate	BP 2009	DSM Nutritional Products Ltd	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst,	Switzerland
Bivikiddy	VD-7389-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Cholecalciferol	BP 2009	DSM Nutritional Products Ltd	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst,	Switzerland
Bivikiddy	VD-7389-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	dl-alpha-Tocopheryl acetate	BP 2009	DSM Nutritional Products Ltd	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst,	Switzerland
Bivikiddy	VD-7389-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Thiamine hydrochloride	BP 2009	DSM Nutritional Products GmbH	Emil -Barell -Str. 3 79639 Grenzach- Wyhlen,	Germany
Bivikiddy	VD-7389-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Riboflavin sodium phosphate	BP 2013	DSM Nutritional Products France SAS	Le Véronèse 19/21 avenue Dubonnet F- 92400 Courbevoie	France
Bivikiddy	VD-7389-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Pyridoxine hydrochloride	BP 2009	DSM Nutritional Products GmbH	Emil -Barell -Str. 3 79639 Grenzach- Wyhlen,	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Bivikiddy	VD-7389-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Nicotinamide	BP 2009	Western Drugs Ltd	F-271 (A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur- 313 001 (Rajasthan),	India
Bivikiddy	VD-7389-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Acid ascorbic	BP 2009	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co.LTD	No.20, Jiangshan Road, Jinajiang City, Jiangsu Province,	China
Bivikiddy	VD-7389-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	L-Lysine hydrochloride	BP 2013	Shijiazhuang Shixing Amino Acid Co., Ltd	B-1303, NO. 310 Changjiangdao Shijiazhuang, 050035, China	China
Multiral Drops	VD-7391-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Retinyl palmitate	BP 2003	DSM Nutritional Products Ltd	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst,	Switzerland
Multiral Drops	VD-7391-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Cholecalciferol	BP 2003	DSM Nutritional Products Ltd	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst,	Switzerland
Multiral Drops	VD-7391-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	dl-alpha-Tocopheryl acetate	BP 2003	DSM Nutritional Products Ltd	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst,	Switzerland
Multiral Drops	VD-7391-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Thiamine hydrochloride	BP 2001	DSM Nutritional Products GmbH	Emil -Barell -Str. 3 79639 Grenzach- Wyhlen,	Germany
Multiral Drops	VD-7391-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Riboflavin sodium phosphate	BP 2003	DSM Nutritional Products France SAS	Le Véronèse 19/21 avenue Dubonnet F- 92400 Courbevoie	France

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Multiral Drops	VD-7391-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Pyridoxine hydrochloride	BP 2003	DSM Nutritional Products GmbH	Emil -Barell -Str. 3 79639 Grenzach- Wyhlen,	Germany
Multiral Drops	VD-7391-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Nicotinamide	BP 2003	Western Drugs Ltd.	F-271 (A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur- 313 001 (Rajasthan),	India
Multiral Drops	VD-7391-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Acid ascorbic	BP 2003	Aland (Jiangsu) Nutraaceutical Co.LTD	No.20, Jiangshan Road, Jinajiang City, Jiangsu Province,	China
Vimaxx	VD-7401-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Dipotassium Glycyrrhizinate	JPC14	Alps Pharmaceutical Ind Co., Ltd	10-50 , Furukawacho Mukaimachi Nichome , Hida , Gifu, 509-4241 , Japan	Japan
Ho Long Đờm	VD-7508-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Terpin hydrat	ĐĐVN III	Hindustan Mint & Agro Products Pvt, Ltd, India.	Devarkhera, Moradabad Road, Chandausi - 244412 (India)	India
Ho Long Đờm	VD-7508-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	sodium benzoat	ĐĐVN III	Eastman Chemical Ltd., Singapore	9 North Buona Vista Drive#05-01, The Metropolis Tower1 Singapore 138588 Singapore.	Singapore
Luxanthin E	VD-7512-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin A	BP 2014	Basf - The Chemical Company	Carl-Bosch - Str.3867056 Ludwigshafen Germany	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Luxanthin E	VD-7512-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin E	USP 37	Zhe Jiang Nhu Company Ltd	No.4, Jiangbei road, Chengguan Town, Xinchang, Zhejiang Province, China	China
Luxanthin E	VD-7512-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Lutein	NSX	Natureplus Enterprises Inc	Longping High-tech Park, Changsha, Hunan, 430100, China	China
Luxanthin E	VD-7512-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Zeaxanthin	NSX	Natureplus Enterprises Inc	Longping High-tech Park, Changsha, Hunan, 430100, China	China
Morhatamin	VD-7513-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B1	ĐĐVN III	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi 333300, China.	China
Morhatamin	VD-7513-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B6	ĐĐVN III	Hubei Guangji Pharmaceutical Co. Ltd	N0.1 Jiangdi Road. Wuxue City, Hubei Province, China	China
Morhatamin	VD-7513-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin PP (Nicotinamide)	ĐĐVN III	Aarti Drugs Limited	N0 E-120, MIDC, Tarapur, Boisar-401 506, Dist-Thane, Maharashtra, India	India
Morhatamin	VD-7513-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B2	ĐĐVN III	Hubei Guangji Pharmaceutical Co. Ltd	N0.1 Jiangdi Road. Wuxue City, Hubei Province, China	China
Morhatamin	VD-7513-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin C	ĐĐVN III	Hebei Welcome Pharmaceutical Co., Ltd	No 11 Zhaiying North Street, Shijiazhuang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Flypit 10 (Atorvastatin 10mg)	VD-7587-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Atorvastatin Calcium	USP38	Zhejiang Neo- Dankong Pharmaceutical Co.,Ltd	No.259 binhaiRoad, Yantou Jiaojiang dist, Taizhou City, Zhejiang Province	China
Flypit 20 (Atorvastatin 20mg)	VD-7588-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Atorvastatin Calcium	USP38	Zhejiang Neo- Dankong Pharmaceutical Co. Ltd	No.259 binhaiRoad, Yantou Jiaojiang dist, Taizhou City, Zhejiang Province	China
Hemoflon (diosmin, hesperidin)	VD-7589-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Hesperidin	NSX	Chengdu Yazhong Bio- Pharmaceutical Co.,Ltd.	Lichun Town, Pengzhou, Sichuan,	China
Nifephabaco (Nifedipin 10 mg)	VD-7591-09	29/08/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Nifedipine	BP2016	1/ China Jiangsu International Economic 2/ Jintan Chengdong Chemical raw Materials 3/ DSM- The United Kingdom	1/ 24F, 8, Zhongshan Nanlu, Nanjing, 210005, 2/ Longshan Rd Jintan Jiangsu 3/ Dalry Ayshire- Scotland	1/ China 2/ China 3/ The United Kingdom
Vinsamin	VD-7596-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Glucosamine hydrochloride	USP38/ĐĐVN IV	Kyowa hakko bio co.,ltd	1-6-1 Ohtemachi chiyoda - Ka Tokyo - Japan	Japan

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Doxythepharm	VD-7693-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Doxycyclin hydroclorid	EP 7.0	Kaifeng Pharmaceutical (Group) Co., Ltd	1 Yunan Street, Henan Province, China	China
Rhumenol Day 500	VD-7700-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd	No.35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Rhumenol Day 500	VD-7700-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2014/USP3 6	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R.China	China
Rhumenol Day 500	VD-7700-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Dextromethophan HBr	USP 30	Wockhardt ltd	GIDC Estate Ankleshwar 393002 Dist Bharuch, Gujarat, India	India
Rovabiotic 3.0	VD-7701-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Spiramycin	EP 8.0	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd	No.1190 Jiaotong road, Yicheng District, Zhumandian, Henan Province, China	China
CLOCATEN	VD-7709-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Betamethasone dipropionate	USP38	Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co.Ltd.	No. 19, XINYE 9th Street, West area of Tianjin Economic- Technological Development area, Tianjin China	China
Diclostad 75mg	VD-7716-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Diclofenac natri (Diclofenac sodium)	EP 7.0→9.0	Laboratorio Chimico Internationale S.p.A	Via B. Cellini , 20- 20090 Segrate (MI)	Italy

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Diclostad 75mg	VD-7716-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Diclofenac natri (Diclofenac sodium)	BP 2012-2015	Henan Dongtai Pharm Co., Ltd	East Changhong Road, Tangyin County, Anyang City	China
Tenoxicam Stada 20mg	VD-7728-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Tenoxicam	EP 7.0→9.0	Sifavitor S.P.A	1-26852 Casaletto Lodigiano Ludigiano Frazione Mairano	Italy
Fudlezin 5 mg	VD-7734-09	25/7/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Flunarizine hydrochloride (as Flunarizine dihydrochloride)	EP 5.0	Weihai Disu	No. 55 Qilu Road, Economic & Technological. Development Zone, Weihai, Shandong, , 264205	China
Fenxicam	VD-7750-09	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Piroxicam	USP38	Jintan Qian Yao Pharmaceutical Raw Material Factory	Zhuangcheng, Baita Town, Jintan City Jiangsu Province,	China
Becosmec	VD-7776-09	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer- BPC	Diosmectite	NSX	Zhejiang Sanding Technology Co., Ltd	No.187 Zhongxing Ave, Paojiang Industry Zone, Shaoxing City, Zhejiang Province	China
Piracetam Meyer	VD-7778-09	31/05/2017	Công ty Liên doanh Meyer- BPC	Piracetam	BP 2005	Jiangxi Yuehua Pharmaceutical Co.,Ltd	No 58, ChangxiRoad, Jingdezhen City,	China
Ibartain MR	VD-7792-09	25/11/2017	Công ty TNHH Dược Phẩm Vellpharm Việt Nam	Irbesartan	USP 38	Zhejiang huahai pharmaceutical co., ltd	Chuannan,Duqiao,Linha i,Zhengjiang 317016,	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
IDORIZAC	VD-7811-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Acid mefenamic	ĐĐVN IV	Suzhou Ausun Chemical	No 6, JI NSHAN road, Hi-Tech Industrial Development zone, Suzhou, Jiangsu China	China
Vitatum Kiddi	VD-7820-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Thiamine hydrochloride	BP 2009	DSM Nutritional Products GmbH	Emil -Barell -Str. 3 79639 Grenzach- Wyhlen,	Germany
Vitatum Kiddi	VD-7820-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Riboflavin sodium phosphate	BP 2013	DSM Nutritional Products France SAS	Le Véronèse 19/21 avenue Dubonnet F- 92400 Courbevoie	France
Vitatum Kiddi	VD-7820-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Pyridoxine hydrochloride	BP 2009	DSM Nutritional Products GmbH	Emil -Barell -Str. 3 79639 Grenzach- Wyhlen,	Germany
Vitatum Kiddi	VD-7820-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Nicotinamide	BP 2009	Western Drugs Ltd	F-271 (A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur- 313 001 (Rajasthan),	India
Vitatum Kiddi	VD-7820-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Cholecalciferol	BP 2009	DSM Nutritional Products Ltd	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst,	Switzerland
Vitatum Kiddi	VD-7820-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Alpha- Tocopheryl acetate	BP 2009	DSM Nutritional Products Ltd	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst,	Switzerland
Vitatum Kiddi	VD-7820-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	L-Lysine hydrochloride	BP 2013	Shijiazhuang Shixing Amino Acid Co.Ltd	B-1303, No. 310 Changjiangdao, Shijiazhuang, 050035, China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitatum Kiddi	VD-7820-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Calcium glycerophosphate	BP 2009	Givaudan - Lavirotte	56, rue Paul Cazeneuve 69008 Lyon -	France
Vitatum Multi ☐	VD-7821-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Thiamine nitrate	BP 2003	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical	No.215 Fengze Road, Tiantai, Zhejiang,	China
Vitatum Multi ☐	VD-7821-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Riboflavin sodium phosphate	BP 2003	DSM Nutritional Products France SAS	Le Véronèse 19/21 avenue Dubonnet F- 92400 Courbevoie	France
Vitatum Multi ☐	VD-7821-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Calcium pantothenate	BP 2003	DSM-United Kingdom	Drakemyre, Dalry, Ayrshire KA 24 5JJ, United Kingdom	UK
Vitatum Multi ☐	VD-7821-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Pyridoxine hydrochloride	BP 2003	DSM Nutritional Products GmbH	Emil -Barell -Str. 3 79639 Grenzach- Wyhlen,	Germany
Vitatum Multi ☐	VD-7821-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Biotin	BP 2003	Zhejiang Nhu Co., Ltd	No.4 JiangBei Road, Chengguan town, Xinchang County, Zhejiang,	China
Vitatum Multi ☐	VD-7821-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Acid folic	BP 2003	DSM Nutritional Products Ltd	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst,	Switzerland
Vitatum Multi ☐	VD-7821-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Acid ascorbic	BP 2003	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co.LTD	No.20, Jiangshan Road, Jinajiang City, Jiangsu Province,	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitatum Multi ☐	VD-7821-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Nicotinamide	BP 2003	Western Drugs Ltd	F-271 (A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur- 313 001 (Rajasthan), India	India
Vitatum Multi ☐	VD-7821-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	dl- Alpha- Tocopheryl acetate	BP 2003	DSM Nutritional Products Ltd	Wurmisweg 576, CH- 4303 Kaiseraugst,	Switzerland
Vitatum Multi ☐	VD-7821-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Copper sulfate monohydrate	BP 2007	Dr. Paul Lohmann	Hauptstrasse 2, 31860, Emmerthal,	Germany
Vitatum Multi ☐	VD-7821-09	23/6/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Zinc sulfate monohydrate	BP 2007	Dr. Paul Lohmann	Hauptstrasse 2, 31860, Emmerthal,	Germany
Calci B	VD-7822-09	Gia hạn đến 06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Calcium gluconate	USP34	Zhejiang Tianyi food additives Co., LTD	No.1,New fulan bridge RD.,wezhen, tongxiang, Zhejiang, China	China
Calci B	VD-7822-09	Gia hạn đến 06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Thiamine hydrochloride	BP2012/USP3 6	Huazhong Pharmaceutical Co.,Ltd	NO 71 West Chunyuan Road ,Xiangyang,Hubei,China	China
Calci B	VD-7822-09	Gia hạn đến 06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Pyridoxin hydroclorid	BP2013	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Le Anjiang Industrial Zone Leping , Jiangxi 333300, China	China
Mebendazol	VD-7833-09	Gia hạn đến 06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Mebendazole	USP 36	K. A. Malle Pharmaceuticals LTD.	6005 GIDE Ankleshwar 393002, Dist Bharuch, Gujarat, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Azithromycin 100	VD-7862-09	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Azithromycin dihydrat	USP 36	Shanghai Modern Pharmaceutical Co., Ltd. □	No. 378, Jianlu Road, Pudong New Area, Shanghai 200137, China.	China
Chobamin	VD-7904-09	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Methionine	EP 7.0	Jizhou City Huayang Chemical Co., Ltd.	No. 645 FuYang East Road, Jizhou Cuty, Hebei Province	China
Chobamin	VD-7904-09	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Magnesium sulfate	ĐĐVN IV	Guangdong Guanghua Chemical	8/F,HeliDevelopment Bldg,6,Jiangyan South Road, Guangzhou, China	China
Hadolmax	VD-7975-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Naphazolin nitrat	BP 2014	Changzhou Rising Chemical Co., Ltd	Shuibeitown, Jintan, Jiangsu, China	China
Suxanh	VD-7987-09	26/07/2017 gia hạn theo Cv 13975/QLD-ĐK	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	sodium sulfacetamid	BP 2014	Yangzhou Tianhe Pharmaceutical Co., Ltd	86, Shuangshu Road, Xiannu Town, Jiangdu, Jiangsu.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Suxanh	VD-7987-09	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Benzalkonium hydroclorid	USP 37	Basf A/S	Ved Stadsgraven 15, DK-2300 Copenhagen	Denmark
3Bpluzs	VD-8026-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Vitamin B1 (Thiamine nitrate)	ĐĐVN III	Huazhong Pharmaceutical Co. Ltd	NO.71 West Chunyuan Road, Xiangyang, Hubei	China
3Bpluzs	VD-8026-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Vitamin B6 (Pyridoxine hydrochloride)	ĐĐVN III	Huazhong Pharmaceutical Co. Ltd	NO.71 West Chunyuan Road, Xiangyang, Hubei	China
3Bpluzs	VD-8026-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	ĐĐVN III	North China Pharmaceutical Victor Co., Ltd.	No.9 Zhaiying North Street. Shijiazhuang Hebei 050031	China
Skdol Cảm Cúm	VD-8040-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Acetaminophen	ĐĐVN III	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China. Post Code 262100	China
Skdol Cảm Cúm	VD-8040-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Loratadin	USP 28	Vasudha Pharma Chem Limited	Plot No. 39 A & B, Phase I, I.D.A, Jeedimetla , Hyderabad - 500055 Telangana State	India

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Skdol Cảm Cúm	VD-8040-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Dextromethorphan hydrobromide	BP 2003	Dr.Reddy'S	7-1-27, Greenlands, Ameerpet Road, Leelanagar, Ameerpet, Hyderabad, Telangana 500016, Ấn Độ	India
Cefazolin 1 g (Cefazolin 1g)	VD-8088-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefazolin Sodium	EP8	1/ Harbin Pharmaceutical Group Co.,Ltd. 2/ NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd 3/ CSPC zhongnuo pharmaceutical Co., Ltd.	1/ 2 Longshun st, Nangang No188 Gongnong road 2/ No 18, YangZi road, Economic and technological development zone, Shijiazhuang 3/188 Gongnong Road Shijiangzhuang, 050051	1/China 2/China 3/China
Tranecid 250 (Acid tranexamic 250mg/5ml)	VD-8094-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Tranexamic acid	EP8	Asahi Kasei Finechem Co., Ltd	Nakanoshima-Dai Building, 3-3- 23,Nakanoshima, Kita- ku,Osaka	Japan
Tranecid 500 (Acid tranexamic 500mg/5ml)	VD-8095-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Tranexamic acid	EP8	Asahi Kasei Finechem Co., Ltd	Nakanoshima-Dai Building, 3-3- 23,Nakanoshima, Kita- ku,Osaka	Japan
Trikaxon (Ceftriaxon 1g dưới dạng Ceftriaxon natri)	VD-8096-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Ceftriaxone Sodium	USP38	Guangzhou Baiyunshan Pharmaceutical Co., Ltd	No 78, Tongbao Road, Tonghe street, Baiyun district, Guangzhou,	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Parainject 450	VD-8191-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2013	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd	No.35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong, China	China
Parainject 450	VD-8191-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Paracetamol	BP2014/USP3 6	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R.China	China
Parainject 450	VD-8191-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Lidocain hydroclorid	USP36	Gufic biosciences limited	No.8, Near Grid, At&PO Kabilpore-396 424 Navsari, Gujarat, India	India
QUINCEF 500	VD-8197-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Cefuroxime axetil	BP2015	Sun Pharmaceutical Industries Ltd.	Sun House, CTS No. 201 B/1, Western Express Highway, Goregaon (E), Mumbai 400063.	India
CombiStad	VD-8202-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B1 (Thiamin hydrochloride)	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
CombiStad	VD-8202-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitami B2 (Riboflavin 5'- phosphate sodium)	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products france SAS	Boulevard d' Alsace BP 170 68128 Village Neuf	France

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
CombiStad	VD-8202-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B6 (Pyridoxine Hydrochloride)	EP 7.0→9.0	DSM Vitamins (Shanghai) Ltd.	No. 118 Baisha Road, Xinghuo Development Zone, Fengxian District 201419 Shanghai	China
CombiStad	VD-8202-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin PP (Niacinamide)	EP 7.0→9.0	Lonza Guangzhou Nansha LTD	68 Huangge Dadaobei, Nansha District, Guangzhou	China
CombiStad	VD-8202-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B5 (D- Panthenol)	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	Drakemyre Dalry Ka24 5JJ	UK
Crocina kid – 50	VD-8211-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefixim trihydrate	USP 35→39	Orchid Pharma LTD	121-128,128A-133,138- 151 & 159-164 SIDCO Industrial estate Alathur.Kancheepuram District - 603 110	India
Crocina kid – 50	VD-8211-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefixim trihydrate	USP 35→39	Hetero labs limited (Unit- III)	S.Nos.120,128,150 (part), 150/1, 150/2& 158/1, N.Narasapuram(Vill), Nallamatipalem(V), Nakkapalli(mandal), Visakhapatnam Dist, Andhra Pradesh	India
Piracetam Stada 3g	VD-8217-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Piracetam	EP 7.0→9.0	S.C. Microsin S.R.L	Str. Pericle Papahagi nr.51-63. sector 3, cod 032364 Bucuresti	Romania

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Piracetam Stada 3g	VD-8217-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Piracetam	EP 7.0→9.0	Pharmaceutical Works Polpharma S.A	19 Pelplinska Str., 83- 200 Starogard Gdanski	Poland
Cebenol 500	VD-8224-09	25/07/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Glucosamine sulfate sodium chloride	NF 25	Jiangsu Rixin Enterprise Group Co., Ltd	58 wu an road, gaoyou, jiangsu,	China
Oriner	VD-8235-09	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Domperidone maleate	BP 2003	Ray Chemical Pvt.Ltd	2000 Ray House, Ynk Nt Pol Station, Near Yelahanka, Yelahanka, Bengaluru, Karnataka 560064	India
SILDENAFIL	VD-8241-09	31/5/2017	Công ty CP SHDP Ba Đình	Sildenafil	NSX	KAKANG BIO- TECH CO., LTD	No. 201 Jinqushan Road Linyi, Shandong	China
Dermabion	VD-8298-09	31/5/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Clindamycin phosphat	BP2012/ USP35	Zhejiang Hisoar Pharmaceutical Co., LTD,	No. 100 Waisha Branch Road, Jiaojiang, Taizhou, Zhejiang 318000, China	China
Dermabion	VD-8298-09	31/5/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Dexamethason acetate anhydrous micronised	EP6	Sanofi Chimie	63480 Vertolaye - France	France

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Retinol palmitate	USP 34	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04- 01 Singapore 059763	Singapore
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Ergocalciferol	USP 34	Sichuan Yuxin Pharmaceutical Co., Ltd.	Weicheng Jinhe East Road, Shifang City, Sichuan Province, .	China
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Ergocalciferol	USP 34	Sichuan Neijiang Huixin Pharmaceutical Co., Ltd.	No.188,Linchang Road, Baima Town, Neijiang, Sichuan,	China
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Tocopherol acetate	USP 34	Zhejiang Medleme Co.Ltd Xinchang Pharmaceutical Factory.	98 East Xinchang Dadao Road, Xinchang, Zhejiang, 312500 PR .	China
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Ascorbic acid	USP 34	Northeast Pharmaceutical Group Co., Ltd.	No. 8 Kunminghu Street, Economic Technology Development District, Shenyang, .	China
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Thiamin hydrochloride	USP 34	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04- 01 Singapore 059763	Singapore

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Riboflavin	USP 34	Hubei Guangji Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 1 Jiangdi, Wuxue City, Hubei Province, .	China
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Pyridoxin hydrochloride	USP 34	Suzhou Hegno Pharmaceutical Co., Ltd.	Leyu Town Zhanjiagang City, Jiangsu Province,	China
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Pyridoxin hydrochloride	USP 34	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd.	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300 ,	China
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Pyridoxin hydrochloride	USP 34	Huazhong Pharmaceutical Co.,Ltd	No.71 West Chunyuan Road,Xiangyang,Hubei,	China
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Nicotinamide	USP 34	Amsal Chem Private Limited.	A-1, 401, 402, 403, GIDC Industrial Estate, Ankleshwar - 393 002 District Bharuch, Gujarat, .	India
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Calcium pantothenate	USP 34	Xinfa Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 1 Tongxing Road, Kenli County, Dongying, SH 257500 .	China
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Cyanocobalamin	USP 34	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04- 01 Singapore 059763.	Singapore

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Homtamin	VD-8319-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Folic acid	USP 34	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte. Ltd.	2 Havelock Road #04- 01 Singapore 059763.	Singapore
Talmain	VD-8324-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Talniflumate	NSX	Hawon Biochemical Science Co., Ltd	53-10, Nojanggondan- gil, Jeondong- myeon,Sejong-si, 339- 841	Korea
Talmain	VD-8324-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Talniflumate	NSX	Korea United Pharm. Inc.	154-8, Nonhyun- Dong, Kang nam-Gu, Seoul, .	Korea
Cafein	VD-8359-09	11/07/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Caffeine Anhydrous	BP 2014/ USP38/EP8	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co., Ltd	East Chemical Zone of Zibo High and New Technology Development Zone, Zibo, Shandong, P.R. china	China
Clindamycin	VD-8360-09	11/07/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	clindamycin hydrochlorid	USP 38	Nanyang pukang Pharmaceutical co., ltd	796 Gongye N Rd, Wolong Qu, Nanyang Shi, Henan Sheng, China, 473000	China
Indomethacin	VD-8362-09	11/07/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	indomethacin	BP 2016	Hangzhou starshine Pharmaceutical co., ltd	19/C, Tianyuan Building, No.508 Wensan road, Hangzhou, China, 310006	China

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Atukid	VD-8370-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Dextromethorphan hydrobromide monohydrate	BP 2009	Divi's Laboratories Limited	Divi Towers, 7-1- 77/E/1/303, Dharam Karan Road, Ameerpet, HYDERABAD, Telangana, . - 500 016.	India
Atukid	VD-8370-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Chlorpheniramine maleate	BP 2009	Supriya Lifescience Ltd.	A-512, Lote Parshuram Industrial Area, M.I.D.C., tal -Khed, Dist -Ratnagiri 415722 Maharashtra Stete,	India
Atukid	VD-8370-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Glyceryl guaiacolate	BP 2009	Delta Synthetic Co., Ltd - Taiwan	15, Minsheng St.,, New Taipei City, 23679 Taiwan	Taiwan
Atukid	VD-8370-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Ammonium chloride	BP 2009	Avantor Performance Materials Inc	3477 Corporate Parkway, Suite #200 Center Valley, PA 18034 U.S.A. 1-610-573-2600	USA
Smail □	VD-8374-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Diocetahedral smectite	NSX	Ningcheny Country Tianyuan Chemical Company	Industrial Park Zone, Balihan Town, Ningcheng County Chifeng, 024231	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Smail □	VD-8374-09	6/23/2017	Công ty cổ phần BV Pharma	Diocetahedral smectite	NSX	Zhejiang Sandin Technology Co., Ltd	No. 187 Zhongxing Ave, Paojiang Industry Zone Shaoxing city, Zhejiang province, PRC.	China
Codeforte	VD-8378-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Guaiphenesin	USP 38	Zhejiang Haizhou Pharmaceutical Co., LTD	Yanhai industrial zone, linhai, zhejiang, China	China
Codeforte	VD-8378-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Chlorpheniramin maleate	BP2014/EP8	Supriya Lifescience Ltd	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area M.I.D.C., Taluka Khed. Dist Ratnagiri – 415 722.Maharastra. India.	India
Dermacol - B	VD-8379-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Dexamethasone acetate	BP2013	Zheiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, 317300, China	China
Dermacol - B	VD-8379-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Salicylic Acid	USP34	Novacyl	06/06/2017	France
Dermacol - B	VD-8379-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	miconazol nitrate	BP2013	Mahrsee Laboratories PVT Ltd	Plot No 3014,3015 G.I.D.C Panoli-394 116 Distric, Bharuch, GUJARAT, India	India
Ostocare	VD-8384-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Calcium gluconate	USP34	Zhejang Tianyi food additives Co., LTD	No.1,New fulan bridge RD.,wezhen, tongxiang, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ostocare	VD-8384-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Cholecalciferol	USP34	DSM Nutritional Products Ltd	Po box 2676, 4002 Basel , Switzerland	Switzerland
Dầu Nóng Quảng Đà	VD-8414-09	31/05/2017	CTCP Dược Danapha	Methyl salicylate	NSX	Novacyl Asia Pacific Limited	Unit 16B, 169 Electric Road, North Point, Hongkong	Hongkong
Dầu Nóng Quảng Đà	VD-8414-09	31/05/2017	CTCP Dược Danapha	Menthol	EP (7 đến 8.5) BP (2012 đến 2016)	Tien Yuan Chemical Ltd	18 Chin Bee Rd, Singapore	Singapore
Dầu Nóng Quảng Đà	VD-8414-09	31/05/2017	CTCP Dược Danapha	Camphor	NSX	Fujian Green China	1 floor, jinshan riches Building, 2360 fangzhong road, huli District, Xiamen Fujian, China	China
Magnesi - B6	VD-8418-09	18/8/2017	CTCP Dược Danapha	Pyridoxine Hydrochloride	USP(34 đến 39) BP(2012 đến 2016)	Dafeng Hegno Pharmaceuticals Co., Ltd	South District, Ocean Economy Development Area of Dafeng, Jiangsu Province, China	China
Myolaxyl	VD-8419-09	31/05/2017	CTCP Dược Danapha	Mephenesin	NF XII BP(2012 đến 2016) BPC73	Unilab Chemicals& Pharmaceuticals Pvt.Ltd	Redg.Off. 107/108 Anjani Complex, Plot 316, Parera Hill Road, Off Andheri Kurla Road, Andheri (E), Mumbai-400 099, India, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefixim 200	VD-8581-09	17/08/2017		Cefixim trihydrat	USP 37	Nectar Lifesciences Ltd	S.C.O. 38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 003 (India)	India
Cefuroxim 250 Mg	VD-8587-09	27/06/2018	Công ty CP.DP Cửu Long	Cefuroxim axetil	USP 37	Covalent Laboratories Private Limited	Survey No,374, Gandla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medax Distric	India
Cefuroxim 500 Mg	VD-8588-09	27/06/2017	Công ty CP.DP Cửu Long	Cefuroxim axetil	USP 37	Nectar Lifesciences Ltd	S.C.O. 38,39, Sector 9-D, Chandigarh-160 003 (India)	India
Glomoti-M5 Sachet	VD-8630-09	28/12/2017	Công ty CPDP GLOMED	Domperidone maleate	EP 4.0	Vasudha Pharma Chem Limited	Manufacturing site: Unit-II, Plot No.79, J.N.Pharma City, Parawada, Visakhapatnam - 531021, Andhra Pradesh, India	India
Glomoti-M5 Sachet	VD-8630-09	28/12/2017	Công ty CPDP GLOMED	Simethicone	EP 4.0	Dow Corning Corporation	Manufacturing site : 1635 N. Gleaner Road Hemlock, MI 48626, USA	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ammuson	VD-8638-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Ambroxol hydroclorid	BP 2014	Hangzhou Deli Chemical Co., Ltd	RM. 1115, Jingui Mansion, No 387, Gudun Road, Xihu District, Hangzhou, China	China
Babysolvan	VD-8642-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Ambroxol hydroclorid	BP 2014	Hangzhou Deli Chemical Co., Ltd	RM. 1115, Jingui Mansion, No 387, Gudun Road, Xihu District, Hangzhou, China	China
Ibaganin 200Mg	VD-8649-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	L-Arginin hydroclorid	BP 2014	Ningbo Yuanfa Bioengineering Co., Ltd	Fansidu Village, Jiangshan, Yinzhou District, Ningbo, China	China
Vitalysine	VD-8660-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	L-Lysin hydroclorid	BP 2014	Jizhou City Huayang Chemical Co.,Ltd	No 645 Fuyang East Rd Zizhou Hebei City, China	China
Vitalysine	VD-8660-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin A	ĐĐVN III	Basf - The Chemical Company	Carl-Bosch - Str.3867056 Ludwigshafen Germany	Germany
Vitalysine	VD-8660-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin PP (Nicotinamide)	ĐĐVN III	Zhejiang Lanbo Biotechnology Co., Ltd	Shidai Road Industrial Economic Development Zone Haining City Zhejiang Province	China
Vitalysine	VD-8660-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin D3	ĐĐVN III	Xinmen Kingdomway Group Company	Xinyang industry Area, Haicang Investment Zone, Xiamen 361022, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitalysine	VD-8660-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B2	ĐĐVN III	Chifeng Pharmaceutical (Group) Co., Ltd.	N0.1 Jiangdi Road. Wuxue City, Hubei Province, China	China
Vitalysine	VD-8660-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B6	ĐĐVN III	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Jiangxi 333300, China.	China
Vitalysine	VD-8660-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Vitamin B1	ĐĐVN III	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi 333300, China.	China
Vitalysine	VD-8660-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Calci	ĐĐVN III	Sudeep Pharma Ltd	129/1/A GIDC, Nandesari Vadodara – 391340 Gujarat	India
Vitalysine	VD-8660-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Magnesi	ĐĐVN III	Dr. Paul Lohmann - Germany	Dr. Paul Lohman GmbH KG Hauptstrasse 2 D-31860 Emmerthal	Germany
Metformin SaVi 500	VD-8739-09	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Metformin hydrochloride	BP 2013	Auro Laboratories Limited	K-56, M.I.D.C., Tarapur, Dist. Than, Maharashtra-401 506- India	India
SaVi Alendronate	VD-8740-09	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Alendronate sodium	BP 2014	JPN PHARMA PVT. LTD.	Plant: T108/109, MIDC, Tarapur, Boisar, Tal, Palghar, Dist. Palghar-405 501, Maharashtra, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SaVi Rosuvastatin 10	VD-8748-09	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Rosuvastatin calcium	NSX	Glenmark Pharmaceutical Ltd	Plot No 141-143/160- 165/170-172, Chandramouli Sahakari Audyogik Vasahat, Maryadit, Pine- Hydreabab Highway, Mohol, Dist. Solapur, 413213, Maharashtra, India	India
Simvastatin SaVi 20	VD-8754-09	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Simvastatin	USP 37	Topfond Pharmaceutical Co ., Ltd	No. 1199 Jiaotong Road, Yicheng Dist, Zhumadian, Henan Province, China	China
Simvastatin SaVi 40	VD-8755-09	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Simvastatin	USP 37	Topfond Pharmaceutical Co ., Ltd	No. 1199 Jiaotong Road, Yicheng Dist, Zhumadian, Henan Province, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fabazixin (Azithromycin 100mg)	VD-8788-09	29/08/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Azithromycin dihydrate	USP 38	1/Shanghai Mordern Pharmaceutical 2/ DSM- The United Kingdom 3/ Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd 4/Ningxia Qiyuan Pharmaceutical Co., LTD	1/ No 378 JianLu Road,Pudong New Area,Shanghai, 2/ Dalry Ayshire 3/ No.6 Weiwu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang, . 4/ No. 85, Ning'an Street Jinfeng Yinchuan, 750100	1/ China 2/ The United Kingdom 3/ China 4/ China
Vitamin B6 125mg (Pyridoxin hydrochloride 125 mg	VD-8792-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Pyridoxine hydrochloride	ĐDVN IV	1/ Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd. 2/ Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd. 3/ DSM	1/ No 71 West Chunyuan Road, Xiangyang Hubei - 2/ Anjiang Industrial zone - Jiangxi - 3/ D-79629 Grenzach - Wyhlen Telefon	1/ China 2/ China 3/ Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ascoject 500 (Acid Ascorbic 500mg/5ml	VD-8796-09	18/7/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Ascorbic acid	ĐĐVN IV	1/ BASF South East Asia Pte ltd 2/ DSM	1/7 Temasek Boulevard Number 35-01 Suntec Tower One Singapore, 38987 2/ Dalry Ayshire	1/ Singapore 2/ Scotland
Cefotaxim 1g (Cefotaxim 1g)	VD-8801-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefotaxime sodium	USP38	1/ Harbin Pharmaceutical Group Co.,Ltd 2/ CSPC Hebei Zhongrun Pharmaceutical Co., Ltd 3/ NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd	1/ 2 Longshun st, Nangang No188 Gongnong road 2/ Yulin Rd, Jinwan, Zhuhai, Guangdong, 3/ No98, Hainan road, Shijiazhuang Economic and technological development zone, hebei	1/China 2/China 3/China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cefradin 1g (Cefradin 1g)	VD-8802-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefradine + L-arginine	NSX	1/NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd 2/NCPC beta co.,ltd	1/ No98, Hainan road, Shijiazhuang Economic and technological development zone, hebei 2/ 18 Yangzi Road Economic Dvpt Zone Gaocheng Shijiazhuang, 052165	1/China 2/China
Dexamethason 4mg/1ml (Dexamethason phosphat 4mg/1ml)	VD-8804-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Dexamethasone sodium phosphate	EP8	1/ Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co., Ltd 2/ Zhejiang xianju pharmaceutical co., ltd	1/ 21 Huanghai Road, Tianjin Economic&Technologic al Development Area, Tianjin 2/ No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, , P.C: 317300	1/ China 2/ China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fabazixin (Azithromycin 500mg)	VD-8806-09	29/08/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Azithromycin dihydrate	USP 38	1/Shanghai Mordern Pharmaceutical 2/ DSM 3/ Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co., Ltd, 4/Ningxia Qiyuan Pharmaceutical Co., LTD	1/ No 378 JianLu Road,Pudong New Area,Shanghai, 2/ Dalry Ayshire- Scotland 3/ No.6 Weiwu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang, . 4/ No. 85, Ning'an Street Jinfeng Yinchuan, 750100	1/ China 2/ The United Kingdom 3/ China 4/ China
Glimaron (Gliclazid 80mg)	VD-8810-09	29/08/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Gliclazide	BP2016	1/ Zhejiang Jiuzhou Pharmaceutical Co., Ltd, 2/ Ningbo Double sun Pharmaceutical Co., Ltd, 3/ DSM	1/ 99 Waisha Road Jiaojiang District Taizhou, 318000 2/ No.5, Nanhai Road, Dagang Industria Ningbo, 315800 3/Dalry Ayshire	1/ China 2/ China 3/ The United Kingdom

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Glucose 30% (Glucose 1500mg/5ml)	VD-8811-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Glucose anhydrous	ĐĐVN IV	1/ Weijang Shengtai Medicine Co., ltd (China) 2/ Xiwang group co., ltd 3/ Mongolia Shenghuaxin Pharmaceutical Co., Ltd.	1/ Changda Road East Dev District Changle County Weifang, 262400 2/ XIWANG District, Binzhou, Shandong, 3/ Joinhands Science Park, No.4028,Nanhuan Road, Hangzhou, . .	1/ China 2/ China 3/ China
Vitamin B1 100g (Thiamin nitrat 100mg)	VD-8822-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Thiamine nitrate	ĐĐVN IV	1/Hubei Huazhong Pharmaceutical Co., ltd 2/ Kyowa hakko bio co., ltd 3/ Jiangxi Tianxin Phar Co., ltd	1/ No 71 West Chunyuan Road, Xiangyang Hubei - 2/ 1-6-1 Ohtemachi chiyoda - Ka Tokyo - Japan 3/ Anjiang Industrial zone - Jiangxi - □	1/ China 2/ Japan 3/ China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitamin B1 100mg (Thiamin hydrochloride 100mg/1ml)	VD-8823-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Thiamine hydrochloride	USP38	DSMy	D-79629 Grenzach - Wyhlen Telefon	Germany
Vitamin B12 1000mcg/1ml (Cyanocobalamin 1000mcg/1ml)	VD-8824-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cyanocobalamin	ĐĐVN IV	1/ Ningxia Kingvit Pharmaceutical Co.,Ltd. 2/ North China Pharmaceutical Victor Co., Ltd. 3/ Hebei Yuxing bio engineering co., ltd	1/ Wangyuan Economic Zone, Yongning County, Yinchuan, Ningxia, 750101 2/ No.9 Zhaiying North Street, Shijiazhuang, . 3/ Xicheng district, Ningjin County, Hebei Province -	1/ China 2/ China 3/ China
Vitamin C 100mg/2ml (Acid Ascorbic 100mg/2ml)	VD-8826-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Ascorbic acid	ĐĐVN IV	1/ BASF South East Asia Pte ltd 2/ DSM	1/ 7 Temasek Boulevard Number 35-01 Suntec Tower One Singapore, 38987 2/ Dalry Ayshire	1/ Singapore 2/ Scotland

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitamin C 500mg (acid ascorbic 500mg)	VD-8827-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Ascorbic acid	ĐĐVN IV	1/NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd. 2/Hebei Welcome Pharmaceutical Co., Ltd 3/ Shandong Luwei Pharmaceutical Co. Ltd	1/ No 18, Yangzi Road, Shijiazhuang economic & technological development zone Hebei - 2/ No 11 Zhaiying North Street, Shijiazhuang - 3/ Shuafeng industrial park zichuan District, zibo -	1/ China 2/ China 3/ China
Zefpocin (Cefotaxim 1g)	VD-8830-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefotaxime sodium	USP38	Fresenius Kabi Anti-infectives - Italia	Piazza Maestri del Lavoro, 7 - 20063 Cernusco Sul Naviglio - MILANO -	Italy

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Zency 40 (Gentamicin 40mg/2ml)	VD-8831-09	18/07/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Gentamycin sulphate sterile	BP2016/EP8	1/Yantai Justaware Pharmaceutical Co.,Ltd 2/ PharmaCure Technology Inc. 3/ NanYang Pukang Pharmaceutical Co., ltd 4/ DSM	1/ NO.1 Yanfu Road, Zhifu District, Yantai, 2/ 6205-B, Airport Rd Mississauga, Ontario, L4V 1E3, 3/ No.796, Gongye North Rd, Wolong District, Nanyang, 473053, 4/ Dalry Ayshire	1/ China 2/ Canada 3/ China 4/ The United Kingdom
Zinpadine (Cefradin 1g)	VD-8833-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefradin + L-arginine	NSX	1/NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd 2/NCPC beta co.,ltd	1/ No98, Hainan road, Shijiazhuang Economic and technological development zone, hebei 2/ 18 Yangzi Road Economic Dvpt Zone Gaocheng Shijiazhuang, 052165	1/China 2/China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Zolinbac (Cefazolin 1g)	VD-8834-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefazolin Sodium	EP8	1/ Harbin Pharmaceutical Group Co.,Ltd.. 2/ NCPC Hebei Huamin Pharmaceutical Co., Ltd 3/ CSPC zhongnuo pharmaceutical Co., Ltd.	1/ 2 Longshun st, Nangang No188 Gongnong road 2/ No 18, YangZi road, Economic and technological development zone, Shijiazhuang 3/188 Gongnong Road Shijiangzhuang, 050051	1/China 2/China 3/China
Adrenalin	VD-8917-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Adrenalin	EP 8.0	Wuhan Wuyao Pharmaceutical Co., Ltd	No 18 Wangfen road, Fuchi tow, Yangxin country, Huangshi city, Hubei province, 435229	China
Axota	VD-8918-09	11/07/2017	Công ty cổ phần Dược - VTYT Thanh Hóa	Loratadin	USP 35	Vasudha pharma chem limited	78/A, Vengal, Rao Nagar, hyderabad - 38 Andhra Pradesh, India	India
KALECIN 500	VD-8941-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Clarithromycin	USP39	Zhejiang Guobang Pharm., Co., Ltd	No. 6 Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang, China (312 369) / Tel: 86 575 82739355	China
MEKOMORIVI TAL F	VD-8944-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	L-Leucine	JP16	Kyowa Hakko Bio Co.Ltd ☐	1-1, Kyowa-cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522, Japan	Japan

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
MEKOMORIVI TAL F	VD-8944-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	L-Isoleucine	JP16	Kyowa Hakko Bio Co.Ltd ☐	1-1, Kyowa-cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522, Japan	Japan
MEKOMORIVI TAL F	VD-8944-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	L-Lysine hydrochloride	JP16	Kyowa Hakko Bio Co.Ltd ☐	1-1, Kyowa-cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522, Japan	Japan
MEKOMORIVI TAL F	VD-8944-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	L-Phenylalanine	JP16	Kyowa Hakko Bio Co.Ltd ☐	1-1, Kyowa-cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522, Japan	Japan
MEKOMORIVI TAL F	VD-8944-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	L-Threonine	JP16	Kyowa Hakko Bio Co.Ltd ☐	1-1, Kyowa-cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522, Japan	Japan
MEKOMORIVI TAL F	VD-8944-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	L-Valine	JP16	Kyowa Hakko Bio Co.Ltd ☐	1-1, Kyowa-cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522, Japan	Japan
MEKOMORIVI TAL F	VD-8944-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	L-Tryptophan	JP16	Kyowa Hakko Bio Co.Ltd ☐	1-1, Kyowa-cho, Hofu- shi, Yamaguchi, 7478522, Japan	Japan
MEKOMORIVI TAL F	VD-8944-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Riboflavin	EP8 USP39	BASF Company Ltd.	57 Oehang 4-gil, Gunsan-si, Jeollabuk-do South Korea.	Korea
MEKOMORIVI TAL F	VD-8944-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Nicotinamide	BP2015	Western Drugs Limited	F-271 (A), Mewar Induatrial Area, Madri, Udaipur 313003 (Raj), India / Tel: 91 294 2490976	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
MEKOMORIVI TAL F	VD-8944-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Pyridoxine hydrochloride	USP38 BP2015	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Le' anjiang Industrial Zone, Leping, Jiang, 333300, China Tel: 86 798 6702928	China
PARACOLD INFANTS	VD-8949-09	24/10/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Paracetamol	BP2015	Anqiu Lu' an Pharmaceutical Co., Ltd	No. 35 Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province, China Tel: +86 -536-4386559	China
BiotinStad 5mg	VD-8954-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Biotin	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products	Boulevard d' Alsace BP 170 68128 Village Neuf	France
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin A (Retinyl palmitate 1.0 MIU/g (tocopherol))	USP 35→39	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B6 (Pyridoxine Hydrochloride)	USP 35→39	DSM Vitamins (Shanghai) Ltd.	No. 118 Baisha Road, Xinghuo Development Zone, Fengxian District 201419 Shanghai	China
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B2 (Riboflavin Universal)	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B1 (Thiamine Hydrochloride)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B5 (Calcium D-Panthonate)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products Ltd	Drakemyre Dalry Ka24 5JJ	UK
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin C (Acid Ascorbic fine powder)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products Ltd	Drakemyre Dalry Ka24 5JJ	UK
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Dry vitamin D3 100 CWS	USP 35→39	DSM Nutrional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin E (DL- alpha Tocopheryl acetate)	USP 35→39	Zhejiang Medicine Co., Ltd, Xinchang Pharmaceutical Factory	98 East Xinchang Dadao Road, Xinchang Zhejiang	China
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin PP (Niacinamide)	EP 7.0→9.0	Lonza Guangzhou Nansha LTD	68 Huangge Dadaobei, Nansha District, Guangzhou	China
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B12 (Cyanocobalamine Crystalline)	EP 7.0→9.0	Sanofi Chimie	Rue de verdun BP 80125 76410 Saint aubin les elbeuf	France

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Ferrous fumarate Dried	USP 35→39	Dr. Paul Lohmann GmbH KG	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal	Germany
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Copper II sulfate pentahydrat	USP 35→39	Dr. Paul Lohmann GmbH KG	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal	Germany
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Magnesium oxide	USP 35→39	Dr. Paul Lohmann GmbH KG	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal	Germany
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Zinc oxide	USP 35→39	Dr. Paul Lohmann GmbH KG	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal	Germany
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Calci hydrogen phosphate dihydrate	USP 35→39	Dr. Paul Lohmann GmbH KG	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal	Germany
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Mangane sulfate monohydrate	USP 35→39	Dr. Paul Lohmann GmbH KG	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal	Germany
Ginviton	VD-8962-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Potassium sulfate	USP 35→39	Dr. Paul Lohmann GmbH KG	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pharovita	VD-8968-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin A (Retinyl palmitate 1.0 MIU/g (tocopherol))	USP 35→39	DSM Nutrional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Pharovita	VD-8968-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B6 (Pyridoxine Hydrochloride)	USP 35→39	DSM Vitamins (Shanghai) Ltd.	No. 118 Baisha Road, Xinghuo Development Zone, Fengxian District 201419 Shanghai	China
Pharovita	VD-8968-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B2 (Riboflavin Universal)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
Pharovita	VD-8968-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B1 (Thiamin Hydrochloride)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
Pharovita	VD-8968-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B5 (Calcium D-Panthonate)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products Ltd	Drakemyre Dalry Ka24 5JJ	UK
Pharovita	VD-8968-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin C (VC Acid Ascorbic 325 Mesh)	EP 7.0→9.0	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., Ltd	Jiangshang road, Jingjiang, Jiangsu (214500)	China
Pharovita	VD-8968-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cholecalciferol (Dry vitamin D3 100 CWS)	USP 35→39	DSM Nutrional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Pharovita	VD-8968-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin E (DL- alpha Tocopheryl acetate)	USP 35→39	BASF SE	Carl-Bosch-Str, 38, 67056 Ludwighafen	Germany
Pharovita	VD-8968-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin PP (Niacinamide)	EP 7.0→9.0	Lonza Guangzhou Nansha LTD	68 Huangge Dadaobei, Nansha District, Guangzhou	China
Pharovita	VD-8968-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Acid Folic	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Pimenem 500	VD-8969-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	meropenem with sodium carbonat injection)	USP 35→39	ACS Dobfar S.P.A.	47/12 - 20067 Tribiano (MI)	Italy
Vivace	VD-8979-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin C (VC Acid ascorbic 325 Mesh)	EP 7.0→9.0	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., Ltd	Jiangshang road, Jingjiang, Jiangsu (214500)	China
Vivace	VD-8979-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Beta-Caroten	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products	Boulevard d' Alsace BP 170 68128 Village Neuf	France
Vivace	VD-8979-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Selenium Enriched Yeast (Lamin Se 2000)	NSX	Salutaguse Parmitehas AS (Lallemand)	Salutaguse , Kohila vald, 79745 Raplamaa	Estonia

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vivace	VD-8979-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin E (DL- alpha Tocopheryl acetate)	EP 7.0→9.0	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
Fudnycol	VD-8982-09	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Paracetamol	ĐĐVN III	Mallinc Krodt Inc.	675 MC Donenell VDST, LOIUS, MO 63134.	USA
Fudnycol	VD-8982-09	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Caffeine (as Caffeine anhydrous)	ĐĐVN III	Aarti Industries Limited	Plot No. 801/23, Q.L.D.C. Estate, Phase III Vapi - 396 195. Dist Valsad, Gujarat	India
Fufred	VD-8984-09	09/6/2017	Công ty cổ phần SX - TM DP Đông Nam	Prednisone	USP 27	Zhejiang Xianju Pharmaceutcal Co., Ltd.	No. 3 Donghai Fourth Avenue Duqiao Medicl anh Chemical Industry Zone Linhai, Zhejiang,	China
MEDI ETFIKOL	VD-8993-09	21/06/2017	Cty cổ phần TMDP Quang Minh	Natri clorid	ĐĐVN IV	Merck KGaA,	Frankfurter StraBe 250, 64293 Darmstadt	Germany
Vitraton	VD-9008-09	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin A (Retinol palmitat)	USP38/EP8	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln AG,	Switzerland
Vitraton	VD-9008-09	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin D3 (Cholecalciferol)	USP38/EP8	DSM Nutritional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln AG,	Switzerland
Vitraton	VD-9008-09	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin E (Tocopherol acetat)	USP38/EP8	Basf Se	67056 Ludwishafen	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitraton	VD-9008-09	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Viatmin B1 mono (Thiamine nitrat)	BP2015/USP3 8	Jiangsu Brother Vitamins Co., Ltd	Zhouwangmiao industrial zone, Haining City, Zhejiang Province	China
Vitraton	VD-9008-09	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin B2 (Riboflavin)	USP39	Chifeng Pharmaceutical Co., Ltd.	84 YiDong Street, Hongshan District, Chifeng, Inner Mongolia 024001	China
Vitraton	VD-9008-09	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin B6 (Pyridoxine hydroclorid)	USP38/EP8	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Straße 3, 79639 Grenzach- Wyhlen,	Germany
Vitraton	VD-9008-09	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Viatmin C (Ascorbic acid)	USP38/EP8	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co., Ltd	20, Jiangshan RoadJingjiang CityJingjiang, 214500,	China
Vitraton	VD-9008-09	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin PP (Nicotinamide)	USP38/EP8	DSM Nutritional Products Ltd gia công tại nhà máy Lonza Guangzhou Ltd	39 Jinhui Road, Haizhu District Guangzhou 510288,	China
Vitraton	VD-9008-09	27/5/2017	Công ty CP Traphaco	Vitamin B12 (Cyanocobalamin)	EP8	Hebei Yuxing Bio- Engineering Co Ltd	xicheng district,ningjin county,hebei province,	China
Ceteco cenflu	VD-9017-09	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Paracetamol	BP 2016	Hebei jiheng (Group) Pharmaceutical Co. LTD.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 05300 P.R .	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ceteco cenflu	VD-9017-09	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Loratadine	USP 32	Vasudha pharma chem limited	78/A, Vengal Rao Nagar, Hyderabad-38,	India
Ceteco cenflu	VD-9017-09	16/06/2017	Công ty Cổ phần Dược TW 3	Dextromethorphan HBr	USP 37	Divi's laboratories limited.	Lingijigudem, Choutuppall mandal, Nagonda dist., Ameerpet, Hyderabad- 500016.	India
Metformin STADA 850 mg	VD-9058-09	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Metformin hydrochloride	EP 8.0	USV LIMITED	B.S.D. Marg, Govandi, Mumbai - 400 088.	India
Metformin STADA 850 mg	VD-9058-09	02/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Metformin hydrochloride	EP 8.0	Wanbury Limited, Patalganga, India	A-15, MIDC Industrial Area, Patalganga, District Raigad- 410 220, Maharashtra.	India
Carvedol 12.5	VD-9097-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Carvedilol	BP 2012	Korea United Pharm. Inc.	154-8, Nonhyun- Dong, Kang nam-Gu, Seoul, .	Korea
Carvedol 12.5	VD-9097-09	21/06/2017	Công ty Cổ Phần Korea United Pharm. Int'l	Carvedilol	BP 2012	Polpharma SA Pharmaceutical Works	19, Pelplinska St., 83- 200 Starogard Gdanski, Poland	Poland
DEXAMETHAS ON	VD-9146-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexamethason acetat	ĐĐVN IV	Zhejiang Xianju Pharmaceutical	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PERIMIRANE	VD-9151-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Metoclopramid hydroclorid	BP2014	Vaikunth Chemicals (Pvt.) LTD	408/4&5, GIDC., Nr. Fire Station Panoli-394 116 Ta. Ankleshwar, Dist. Bharuch. (Gujarat), India	India
RUTIN- VITAMIN C	VD-9154-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Acid ascorbic	ĐĐVN IV	SHANDONG LUWEI PHARMACEU TICAL	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo City, Shandong, China	China
TANAANNE N-C	VD-9155-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Acid ascorbic	ĐĐVN IV	SHANDONG LUWEI PHARMACEU TICAL	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo City, Shandong, China	China
TANAANNE N-C	VD-9155-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Thiamin mononitrat	ĐĐVN IV	JIANGXI TIANXIN Pharmaceutical	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, China	China
TANAANNE N-C	VD-9155-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Riboflavin	ĐĐVN IV	Chifeng Pharmaceutical	84 YiDong Street, Hongshan District, Chifeng, Inner Mongolia 024001 China	China
TANAANNE N-C	VD-9155-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Pyridoxin HCl	ĐĐVN IV	JIANGXI TIANXIN Pharmaceutical	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TANAANNE N-C	VD-9155-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Nicotinamide	ĐDVN IV	Second Pharma Co., Ltd	Hangzhou Gulf Fine Chemical Zone, Shangyu City, Zhejiang Province, China	China
TANAMYLATI CID II	VD-9156-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Aluminum hydroxyd gel	USP 35	Ningbo pangs chem Int'l Co., Ltd	Floor 21,Building 11, Xintiandi, No.689, Shiji Road, Ningbo 315040, China	China
TANAMYLATI CID II	VD-9156-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Magnesi hydroxyd	ĐDVN IV	Ningbo pangs chem Int'l Co., Ltd	Floor 21,Building 11, Xintiandi, No.689, Shiji Road, Ningbo 315040, China	China
TANAMYLATI CID II	VD-9156-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Simethicon	USP 35	Palmo Industrial Silicones Pvt, Ltd	C1B/243/20,G.I D.C Waghadia-391760, Dist Vadodara	India
TIDACOTRIM	VD-9158-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Trimethoprim	BP2013	SHOUGUANG FUKANG	North-East of Dong Waihuan Road, Dongcheng Industrial Area, Shouguang City, Shandong Province, P.R.of China	China
TIDACOTRIM	VD-9158-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Sulfamethoxazol	BP2013	Virchow Laboratories Limited	Plot No, 4 to 10, S.V. Co-op Industrial Estate, IDA, Jeedimetla, Hyderabad-500 055, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Desoxycholic acid	NSX	Industria Chimica Emiliana	42122 Reggio Emilia – Italy – Via Silica 8/10	Italy
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Simethicon	USP 30	Dow Corning Corporation (Healthcare Ind, Materials Site)	1635 N. Gleaner Road, Hemlock, Michigan, 48626	USA
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Thiamine Mononitrate	NSX	Huazhong Pharmaceutical Co., Ltd.	No 71 West Chunuyan Road, Xiangyang City, Hubei Province	China
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Riboflavin	USP 30/ BP 2007	BASF Company	57, Oehang 4-gil, Gunsan-si, Jeollabuk- do, Republic of Korea	Korea
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Riboflavin	USP 30/ BP 2007	DSM Nutritional Products	Emil-Barell-Str. 3 D- 79639 Grenzach- Wyhlen	Germany
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Niacinamide	USP 30/ BP 2007	DSM Nutritional Products	39 Jinhui Road, Haizhu District, China 510288- Guangzhou	China
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Niacinamide	USP 30/ BP 2007	DSM Lonza Guangzhou Nansha Ltd.	68, Huangge Dadaobei, Nansha District, China - 511 455 Guangzhou, Guangdong Province	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Niacinamide	USP 30/ BP 2007	Second Pharma	Fine Chemical Zone, Hangzhou Gulf, Shangyu City, Zhejiang Province	China
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Pyridoxine Hydrochloride	USP 30/ BP 2007	DSM Nutritional Products	Emil-Barell-Str. 3 D- 79639 Grenzach- Wyhlen	Germany
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Pyridoxine Hydrochloride	USP 30/ BP 2007	Zhejiang Tianxin Pharma	No. 215 Fengze Road, Tiantai, Zhejiang 317200	China
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Calcium Pantothenate	USP 30	BASF	Carl-Bosch-Strasse 38, 67056 Ludwigshafen	Germany
ENZYPLEX	VD-9165-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Calcium Pantothenate	USP 30	Daichi Fine Chemical Co. Ltd.	530, Chokeiji, Takaoka, Toyama 933-8511	Japan
Alstuzon	VD-9166-09	11/07/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	cinnarizine	BP 2016	Virupaksha organics PVT. LTD	Survey No. 10, Gaddapotharam village, Jinnaram Mandal Medak Dist. -502 319, Andhra Pradesh, India	India
Apharmincap	VD-9169-09	17/11/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	L-arginine hydrochloride	USP 38	Jizhou City Huayang Chemical Co., Ltd	No. 645 FuYang East Road, Jizhou City, Hebei Province, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Apharova	VD-9170-09	11/07/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	spiramycin Base	EP 8	Topfond pharmaceutical Co., ltd	No. 1199 Jiaotong Road, Yicheng District Zhumadian, Henan Province, China.463000	China
Novocain	VD-9184-09	11/07/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	procaine hydrochloride	BP 2016	Chongqing Chunrui Medicine Chemical Co., Ltd.	No.44 Luoxi road luqi town YuBei istrict Chongqing China	China
Rotundin	VD-9185-09	11/07/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	rotundine	CP2015	Ningbo Honor Chemtech Co., Ltd	Room 1011,1#, East Xintiandi, Jiangdong District, Ningbo	China
Heposal	VD-9224-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	L - Ornithine L - Aspartate	AJI92	Wuhan grand Hoyo Co.,Ltd	No 1 Industrial Park, Gedian economy Develop zone, Ezhou, Hubel, china	China
Napharoton	VD-9228-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Naphazolin nitrate	USP 36	Changzhou rising chemical co.,Ltd	Shuibeitown, Juntan, Jiangsu, China	China
Napharoton	VD-9228-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Chlorpheniramin maleate	BP2014/EP8	Supriya Lifescience Ltd	A-5/2, Lote Parshuram Industrial Area M.I.D.C., Taluka Khed. Dist Ratnagiri – 415 722.Maharashtra. India.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Napharoton	VD-9228-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	Pyridoxin hydroclorid	BP2013	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Le Anjiang Industrial Zone Leping , Jiangxi 333300, China	China
Napharoton	VD-9228-09	06/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà	D-Panthenol	USP34	DSM Nutritional Products Ltd	Po box 2676, 4002 Basel , Switzerland	Switzerland
Clabact 500	VD-9247-09	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Clarithromycin	USP 36	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co, Ltd	No.6 Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang, P.R. China.	China
Eyelight cool	VD-9258-09	30/12/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Sodium chondroitin sulfate	USP 38	ZPD A/S	H.E. Bluhmes Vej 63, 6700 Esbjerg, Denmark	Denmark
Eyelight cool	VD-9258-09	30/12/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Pyridoxine hydrochloride	BP 2005	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co., ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, 333300, China	China
Eyelight cool	VD-9258-09	30/12/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Borneol	CP 2015	Jiangxi Cedar Natural Pharmaceutical Oil	JiZhou Industrial Park, Jian City, Jiangxi Province, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Hafixim 50	VD-9262-09	21/06/2017	Công ty cổ phần Dược Hậu Giang	Cefixim trihydrat	USP 36	Covalent Laboratories Private Limited.	Admin. Office: # 8-3- 677/18, 2nd Floor, S.K.D. Nagar, Yellareddy Guda, Hyderabad - 500 073. Telangana, India Factory: Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist – 502 296, Telangana, India.	India
Agilecox 100	VD-9305-09	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Celecoxib	USP 35	Ipca Laboratories Limited	142 AB, Kandivli Industrial Estate Ltd., Kandivli (West), Mumbai 400 067, Maharashtra, India	India
Agilecox 100	VD-9305-09	Gia hạn đến 28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Celecoxib	NSX	Aarti drugs Limited	Văn phòng: Mahendra Industrial Estate, Ground Floor, Plot No. 109-D, Road No.29, Sion (East), Mumbai - 400 022 India Nhà máy: Plot No. W- 60 (B), 61 (B), 62 (B), 71 (B), 72 (B), 73 (B), M.I.D.C., Tarapur, Tal. - Palghar, Dist. Thane - 401 506. (MH)	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AgiMetpred 16	VD-9307-09	Gia hạn đến 28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Methylprednisolone	USP 37	Tianjin Tianyao Pharmaceutical	No.19, Xinye 9th Street, West Area of Tianjin Economic - Technological Development Area (TEDA), Tianjin China	China
AgiMetpred 16	VD-9307-09	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Methylprednisolone	USP 37	Mahima Life Sciences Pv. Ltd	1705, 4 th Floor, Onkar Bhawan, Bhagirath Palace, Chandni Chowk, Delhi-110 006 India	India
AgiTafil 20	VD-9310-09	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Tadalafil	NSX	Ultratech India Ltd.	113, J.K.Chambers, Sector-17, Vashi, New Mumbai	India
AgiTafil 20	VD-9310-09	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Tadalafil	EP 8.0	Pharmaceutical Words Polpharma S.A.	Pelplińska 19, 83-200 Starogard Gdański, Poland	Poland

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Allermin (nén tròn)	VD-9311-09	28/06/2017	Chi nhánh Cty CPDP Agimexpharm - Nhà máy SXDP Agimexpharm	Chlorpheniramine maleate	BP 2015	Supriya Lifescience Ltd	Văn phòng: 207/208. Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregaon (East), Mumbai - 400 063, Maharashtra, India Nhà máy: A 5/2, Lote Parshuram Industrial Are, M.I.D.C., Tal.- Khed, Dist.-Ratnagiri, 415 722, Maharashtra, India	India
Irsatim 75	VD-9322-09	31/05/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Irbesartan	USP 36	Zhejiang Tianyu Pharmaceutical Co., Ltd	Jiangkou Dvelopment Zone, Huangyan, Taizhou City, Zhejiang Province, China	China
Mecam 15	VD-9324-09	5/31/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Meloxicam	EP7.0	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang Province, China	China
Mecam 7.5	VD-9325-09	5/31/2017	Công ty Cổ phần dược phẩm AMPHARCO U.S.A	Meloxicam	EP7.0	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang Province, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Ashtutin	VD-9422-09	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Dextromethophan hydrobromid	BP 2014	Divi'S Laboratories Limited	Rattan House Model Basti Indl. Area New Delhi, New Delhi, Delhi, India	India
Ashtutin	VD-9422-09	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Chlopheniramin maleat	BP 2014	Euroasia Trans Continental, India	07, Parvati premises, New Sun Mill's compound, Lower Parel (west), Mumbai- 400013, Maharashtra	India
Ashtutin	VD-9422-09	26/07/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Amoni clorid	ĐĐVN III	Xilong Chemical Co., Ltd.	No. 2 Xilong Middle Street, Chaoshan Road, Shantou, Guangdong, China	China
Brocan-K	VD-9423-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Cloral hydrat	ĐĐVN III	Wuhan Silworld Chemical Co., Ltd	No.198 jiangjun Road, Wuhan,430033. China	China
Brocan-K	VD-9423-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Potassium bromid	ĐĐVN III	Yanshi Xianfeng Pharmaceutical Co., Ltd	MATUN Industry park, GOUSHI ,471923, Chin a	China
Eurogyno	VD-9425-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Neomycin sulfat	BP 2014	Yichang Sanxia Pharmaceutical Co., Ltd	No. 35 Dalian Road High-tech Zone Yichang City Hubei	China
Eurogyno	VD-9425-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Polymycin B sulfat	BP 2014	Hangzhou Zhongmei Huadong Pharmaceutical Co., Ltd, China	866#, Moganshanlu, Hangzhou, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Eurogyno	VD-9425-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Nystatin	BP 2014	Antibiotice	Valea Lupului nr.1, Iasi 707410, Romania	Romania
Fasmeca	VD-9427-09	28/06/2017	Công ty CP Dược phẩm Hà Tây	Diocetahedral Smectite	NSX	Ningcheng Country Tianyuan Chemical Company Ltd, China.	BALIHAN Town Industrial Park, NINGCHENG County, Inner Mongolia, NINGCHENG County	China
Cefadroxil 250mg	VD-9445-09	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefadroxil monohydrate	USP 36	Lupin Limited	Plot nos. 124,GIDC, Ankleshwar, Gujarat	India
Cefadroxil 250mg	VD-9445-09	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefadroxil monohydrate	BP 2013	Aurobindo Pharma Limited	Unit-XI, Survey No.1/22, Pydibhimavaram, Ranasthalam, Srikakulam Dist	India
Midoxime 100	VD-9450-09	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefixime trihydrate	USP 36	Nectar lifesciences Limited	S.C.O 38-39, Seetor 9- D, Chandigarh	India
Midoxime 50	VD-9452-09	12/07/2017	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	Cefixime trihydrate	USP 36	Nectar lifesciences Limited	S.C.O 38-39, Seetor 9- D, Chandigarh	India
Fudaste 500 Mg	VD-9502-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cefadroxil monohydrate	USP 30	Aurobindo Pharma Limited	Water Mark Building, Plot No. 11, Survey no.9, Kondapur, Hitech City, Hyderabad - 500 084 Telangana	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fudidas 500Mg	VD-9515-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cefuroxime axetil	USP 30	Parabolic Drugs Ltd	SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017	India
Fulatus 500Mg	VD-9517-09	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cefuroxime axetil	USP 30	Parabolic Drugs Ltd	SCO 99-100, Level III & IV, Sector 17-B, Chandigarh - 160017	India
Futipus 200 Mg	VD-9521-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cefixime trihydrate	USP 30	Covalent Laboratories Private Limited	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist, Telangana	India
Oradef 500Mg	VD-9522-09	30/08/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cephadrine	BP 2007	Covalent Laboratories Private Limited	Survey No. 374, Gundla Machanoor Village, Hathnoor Mandal, Medak Dist, Telangana	India
Oricentri 300Mg	VD-9529-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Cefdinir	JP 15	Hetero Labs Limited	No. 126, 150, 151, N Narsapuram, V Nakkapalli, Visakhapatnam - 531081, Andhra Pradesh	India
Skdol Fort	VD-9535-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Paracetamol	ĐDVN III	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd.	No.35 Weixu North Road, Anqiu,Shandong, China. Post Code 262100	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Skdol Fort	VD-9535-09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Ibuprofen	USP 26	Iol Chemicals And Pharmaceuticals Limited	Village Fatehgarh Channa, Mansa Road (Trident Complex) Distriet - Barnala, 148101 Stale-Punjab	China
SaVi Metformin 850	VD-9555-09	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Metformin hydrochloride	BP 2013	Auro Laboratories Limited	K-56, M.I.D.C., Tarapur, Dist. Than, Maharashtra-401 506- India	India
SaVi Paracetamol Extra	VD-9557-09	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Paracetamol	BP 2016	Hebei Jiheng (Group) Pharmaceutical Co., Ltd.	No. 368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R, China	China
SaVi Paracetamol Extra	VD-9557-09	31/5/2017	Công ty CPDP SaVi	Caffeine	EP 8.0	Aarti Industries Ltd	K-17/18/19, M.I.D.C., Tarapur, Dist. Thane- 4001 506, India	India
Adrenalin (epinephrine 1mg/1ml)	VD-9579-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Epinephrine hydrogen tartrate	USP38	Boehringer ingelheim	Corporate Division Communications Binger Strasse 173 55216 Ingelheim am Rhein	Germany
Ceftume 750 (Cefuroxim Na tương đương 750mg Cefuroxim)	VD-9584-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Cefuroxime Sodium	USP38	ACS Dobfa S.p.a	Viale Addetta, 6, Tribiano MI, Italia	Italy

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Dimedrol 10mg/1ml (Diphenhydramin hydrochloride 10mg/1ml)	VD-9585-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Diphenhydramine hydrochloride	BP2016	1/Changzhou JiuYu Pharmaceutical Development Co.,Ltd 2/ Changzhou Redsun pharmaceutical Co., ltd 3/ Changzhou JiuYu Pharmaceutical Development Co.,Ltd	1/ ChangZhou high-tech development zone 2/ New District, Changzhou City, Riverside Industrial Park, . 3/ changzhou high-tech development zone	1/ China 2/ China 3/ China
Gentamicin 40 (Gentamicin 40mg/2ml)	VD-9587-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Gentamycin sulphate sterile	BP2016/EP8	1/Yantai Justaware Pharmaceutical Co.,Ltd 2/ PharmaCure Technology Inc. 3/ NanYang Pukang Pharmaceutical Co., ltd 4/ DSM	1/ NO.1 Yanfu Road, Zhifu District, Yantai, 2/ 6205-B, Airport Rd Mississauga, Ontario, L4V 1E3, 3/ No.796, Gongye North Rd, Wolong District, Nanyang, 473053, 4/ Dalry Ayshire- Scotland	1/ China 2/ Canada 3/ China 4/ The United Kingdom

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Gentamicin 80 (Gentamicin 80mg/2ml)	VD-9588-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Gentamycin sulphate sterile	BP2016/EP8	1/Yantai Justaware Pharmaceutical Co.,Ltd 2/ PharmaCure Technology Inc. 3/ NanYang Pukang Pharmaceutical Co., ltd 4/ DSM	1/ NO.1 Yanfu Road, Zhifu District, Yantai, 2/ 6205-B, Airport Rd Mississauga, Ontario, L4V 1E3, 3/ No.796, Gongye North Rd, Wolong District, Nanyang, 473053, 4/ Dalry Ayshire	1/ China 2/ Canada 3/ China 4/ The United Kingdom
Hormedi 40 (Methyl prednisolon Natri succinat tương ứng với 40mg methyl prednisolon)	VD-9589-09	09/08/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Methylprednisolone sodium succinate	USP38	1/Biofer SPA 2/ Sanofi 3/ Newchem	1/ Via E. Barbieri, 3/5 41036 Medolla (MO) 2/ Plant: Aramon: Route D'Avignon- 30390 Aramon (France) 3/ Via E. de Amicis, 47 • 20123 Milano,	1/ Italy 2/ France 3/ Italy
Lidocain 40 (Lidocain hydrochloride 40mg/2ml)	VD-9590-09	02/06/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Lidocain hydrochloride monohydrat (Lidocaine hydrochloride)	USP38	Xylo chem industries	C-3/1 G.I.D.C Estate Nadiad , Gujarat 387001	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Opispas (papaverin hydrochloride 40mg/2ml)	VD-9591-09	31/05/2017	CTCP Dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco	Papaverine hydrochloride	EP8	Recordati S.P.A	Recordati S.p.A. via M. Civitali 1, 20148 Milano, Italia Capitale sociale Euro 26.140.644,5 i.v. Reg.Imp.Milano/Codice Fiscale/P.Iva 00748210150 REA Milano n. 401832	Italy
Rutin - C	VD-9670-09	31/05/2017	Cty Cp Dược VTYT Thái Bình	Ascorbic Acid	BP2015/ USP38	Shandong Luwei Pharmaceutical Co., Ltd	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo City, Shandong,	China
HAEDI-B	VD-9676-09	21/06/2017	Cty CP Hóa - Dược phẩm Mekophar	Sodium bicarbonate	EP8 USP38	Macco Organiques, s.r.o.	Zalhradni 46, CZ-792 01 Bruntál, Czech Republic	Czech Republic
Cefaclor Stada 500mg Capsules	VD-9681-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefaclor monohydrate	USP 35→39	ACS Dobfar S.P.A.	47/12 - 20067 Tribiano (MI)	Italy
Fiximstad kid 50	VD-9683-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefixime trihydrate	USP 35→39	Orchid Pharma LTD	121-128,128A-133,138- 151 & 159-164 SIDCO Industrial estate Alathur.Kancheepuram District - 603 110	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fiximstad kid 50	VD-9683-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Cefixime trihydrate	USP 35→39	Hetero labs limited (Unit- III)	S.Nos.120,128,150 (part), 150/1, 150/2& 158/1, N.Narasapuram(Vill), Nallamatipalem(V), Nakkapalli(mandal), Visakhapatnam Dist, Andhra Pradesh	India
Cefustad 250mg	VD-9684-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	cefuroxim axetil amorphous	USP 35→39	Covalent Laboratoires Private limited	Sy.No.374, Gundla Machanoor Village Hathnoor Mandal, Medak District, Telangana State	India
Cefustad 250mg	VD-9684-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	cefuroxim axetil amorphous	USP 35→39	Orchid Pharma LTD	121-128,128A-133,138- 151 & 159-164 SIDCO Industrial estate Alathur.Kancheepuram District - 603 110	India
Cefustad 500mg	VD-9685-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	cefuroxim axetil amorphous	USP 35→39	Covalent Laboratoires Private limited	Sy.No.374, Gundla Machanoor Village Hathnoor Mandal, Medak District, Telangana State	India
Cefustad 500mg	VD-9685-09	02/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	cefuroxim axetil amorphous	USP 35→39	Orchid Pharma LTD	121-128,128A-133,138- 151 & 159-164 SIDCO Industrial estate Alathur.Kancheepuram District - 603 110	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Fortiflex	VD-9690-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B1 (Thiamine Hydrochloride)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products GmbH	Emil- Barell-Str.3 79639 Grenzach - Wyhlen	Germany
Fortiflex	VD-9690-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B5 (Calcium D-Panthonate)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products Ltd	Drakemyre Dalry Ka24 5JJ	UK
Fortiflex	VD-9690-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B6 (Pyridoxine Hydrochloride)	USP 35→39	DSM Vitamins (Shanghai) Ltd.	No. 118 Baisha Road, Xinghuo Development Zone, Fengxian District 201419 Shanghai	China
Fortiflex	VD-9690-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin B12 (Cyanocobalamine Crystalline)	EP 7.0→9.0	Sanofi Chimie	Rue de verdun BP 80125 76410 Saint aubin les elbeuf	France
Fortiflex	VD-9690-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin C (Acid Ascorbic fine powder)	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products Ltd	Drakemyre Dalry Ka24 5JJ	UK
Fortiflex	VD-9690-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Vitamin PP (Niacinamide)	EP 7.0→9.0	Lonza Guangzhou Nansha LTD	68 Huangge Dadaobei, Nansha District, Guangzhou	China
Fortiflex	VD-9690-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Acid folic	EP 7.0→9.0	DSM Nutrional Products Ltd	Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
PymeNospain	VD-9696-09	21/06/2017	Công Ty Cổ Phần PYMEPHARCO	Drotaverin HCl	NSX	Zhejiang Apeloa Kangyu Pharmaceutical Co., Ltd.	333 Jiangnan Road, Hengdian, Dongyang, Zhejiang 322118	China
Misoclear	VD-9748-09	20/06/2017	Công ty TNHH Liên Doanh STADA-VIỆT NAM	Misoprostol HPMC dispersion	NSX	Piramal Healthcare UK Limited	Whalton Road, Morpeth, Northumberland, NE61 3YA	UK
Clamisel 250	VD-9772-09	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Clarithromycin	USP 37	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co, China.	No.6, Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang China	China
Clamisel 500	VD-9773-09	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Clarithromycin	USP 35/USP36	Zhejiang Guobang Pharmaceutical Co, China.	No.6, Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang, China	China
Cortancyl	VD-9774-09	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Prednisone	ĐĐVN IV	Sanofi Chimie	63480 Vertolaye - France	France
Sinuflex P	VD-9791-09	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Paracetamol	USP36	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co. Ltd,	No. 53, Weixu North Road, Anqiu City, Shangdong Province, 262100 China	China
Sinuflex P	VD-9791-09	5/30/2017	Công ty Roussel Việt Nam	Phenylephrin	BP 2013	BASF Pharma Chemikalien GmbH & Co. KG, Germany.	Carl-Bosch - Str. 38, 67056 Ludwigshafen, Germany	Germany
ABOCHLORPH E	VD-9888-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Chlorpheniramin maleat	BP2014	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
CHLORPHENIR AMIN	VD-9893-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Chlorpheniramin maleat	BP2014	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India
MAGNESI-B6	VD-9894-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Pyridoxin hydroclorid	ĐDVN IV	Jiangxi Tianxin pharmaceutical Co., Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping, Jiangxi, China	China
TADOLFEIN	VD-9898-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 34	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Provine, 053000 P.R. China	China
TADOLFEIN	VD-9898-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Cafein	BP2013	Shangdong Xinhua Pharmaceutical., Ltd	No.14, Dongyi Road, Zibo, Shandong, China	China
TANA- BUPAGIC	VD-9899-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Ibuprofen	BP2013	IOL Chemical	Village Fatehgarh Channa, Mansa Road District – Barnala, 148101 State -Punjab, India.	India
TANA- BUPAGIC	VD-9899-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Cafein	BP2013	Shangdong Xinhua Pharmaceutical., Ltd	No.14, Dongyi Road, Zibo, Shandong, China	China
TANA- BUPAGIC □	VD-9899-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 34	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Provine, 053000 P.R. China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
TANACELEST	VD-9900-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Dexclorpheniramin maleat	USP 35	MAHRSHREE LABORATORIES PVT. LTD, India	Plot No.: 3014-15, GIDC Indl, Area, Phase-III, Panoli – 394115 (India)	India
TANAFADOL F	VD-9901-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Paracetamol	USP 29	Hebei Jiheng Pharmaceutical	No.368 Jianshe Street, Hengshui City, Hebei Province, 053000 P.R. China	China
TANAFADOL F	VD-9901-09	02/06/2017	CTY TNHH SX- TM DP Thành Nam	Chlorpheniramin maleat	BP2014	Supriya Lifescience., Ltd	A5/2, Lote Parshuram Industrial Area, Maharashtra, India	India
CALCIBEST	VD-9908-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Dry Vitamin D3	NSX	DSM Nutritional Products Ltd.	Zweigniederlassung Werk Sisseln, Hauptstrasse 4, 4334 Sisseln	Switzerland
CALCIBEST	VD-9908-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Calcium Carbonate, Heavy	USP 30	Magnesia GmbH	Hauptsitz - Max-Jenne Strabe 2-4, 21337 Luneburg	Germany
CALCIBEST	VD-9908-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Magnesium oxide heavy	USP 30	Kyowa Chemical Industry Co Ltd.	Sakaide Plant: 4035 Hayashida -cho, Saikaide, Kagawa 762- 0012	Japan
CALCIBEST	VD-9908-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Magnesium oxide heavy	USP 30	Konoshima Chemical Co. Ltd.	2-7 Koraibashi-4, Chou- ku, Osaka 541-0043	Japan

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
CALCIBEST	VD-9908-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Dibasic calcium phosphate anhydrous	USP 30	Innophos Inc	1101 Arnold St Chiago Heights	USA
CALCIBEST	VD-9908-09	02/06/2017	Công ty TNHH United International Pharma	Frutafit IQ	NSX	Sensus	Holland BV, Borchwerf 3, 4704 RG Roosendaal	Netherlands
Omeprazol	VD-9914-09	27/6/2017	Công ty TNHH MTV 120 Armephaco	Omeprazole pellets	NSX	Umang Pharmatech Pvt Ltd	No. 146 H. No. I(P.T), Vasai Phata Highway Junction, NH8, Pelhar, Vasai (E) - 401208, Maharashtra, India.	India
Amoxicilin 250mg (gói 5g)	VD-7259-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Amoxicillin trihydrate, compacted.	NSX	North China Pharmaceutical Group Semisyntech Co., LTD.	No.20 Yangzi Road Shijiazhuang Economic & Technological Development Zone, Hebei, P.R.China.	China
Antigrip F (màu xanh)	VD-8060-09	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Paracetamol	USP 35	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., LTD.	No.35, Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province, 262100, China	China
Antigrip F (màu xanh)	VD-8060-09	31/05/2017	Công ty CPDP Tipharco	Quinine sulphate	BP 2014	Vital Health Care Pvt. Ltd	Plot No: 1416-1421, 1507/1&2, & 1601, Phase III, G.I.D.C, Estate, Vapi-396195, Gujarat state (India)	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Antigrip F (màu hồng)	VD-8059-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Paracetamol	USP 35	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., LTD.	No.35, Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province, 262100, China	China
Antigrip F (màu hồng)	VD-8059-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Quinine sulphate	BP 2014	Vital Health Care Pvt. Ltd	Plot No: 1416-1421, 1507/1&2, & 1601, Phase III, G.I.D.C, Estate, Vapi-396195, Gujarat state (India)	India
Cefadroxil 250mg	VD-8757-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Cefadroxil monohydrate	BP 2012	DSM Sinochem Pharmaceuticals Spain S.A	Calle Ripolles, 2 Pollgono Industrial Urvasa, Sta Perpatua de Mogoda, 08130 Barcelona, Spain.	Spain
Mefenamic acid 500mg	VD-5952-08	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Mefenamic Acid	BP 2015	Baoji Tianxin Pharmaceutical Co., Ltd	Caijiapo Economic And Technical Development Zone, Qishan Country, Shaanxi Province, 722405 China	China
Meloxicam 7,5mg	VD-8758-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Meloxicam	EP 8.0	Zhejiang Excel Pharmaceutical Co., Ltd	9 Dazha Road, Huangyan Economic Development Zone, Taizhou, Zhejiang, China	China
Prednisolon 5mg (oval)	VD-7262-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Prednisolone acetate	USP 35	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	No.1 Xianyao Road, Xianju, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tamifuxim 250	VD-8763-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Cefuroxime axetil	USP 35	Nectar Lifesciences Ltd	SCO- 38, 39, Sector 9- D Chandigarh-160 009 (INDIA)	India
Tamifuxim 500	VD-8764-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Cefuroxime axetil	USP 35	Nectar Lifesciences Ltd	SCO- 38, 39, Sector 9- D Chandigarh-160 009 (INDIA)	India
TMCefixim 100	VD-8762-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Cefixime trihydrate	USP 34	Parabolic Drugs Ltd.	S.C.O. 99 – 100, 3rd & 4th Floor, Sector 17 – B, Chandigarh - 160 017 (Idian). Village Sundhran, P.O.Mubarakpur, Derabassi (Pb.) Idian	India
Tipha-C	VD-5954-08	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Ascorbic Acid	EP 8.0	Aland (Jiangsu) Nutraceutical Co., Ltd	Jiangshan Road, Jingjiang, Jiangsu (214500) P.R.China	China
Tiphacold	VD-8061-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Paracetamol	USP 35	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., LTD.	No.35, Weixu North Road, Anqiu City, Shandong Province, 262100, China	China
Tiphacold	VD-8061-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Chlorpheniramine maleate	BP 2010	Supriya Lifescience Ltd	207/208, Udyog Bhavan, Sonawala Road, Goregaon (East), Mumbai - 400063, Maharashtra, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tiphasidol (viên nén)	VD-8770-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Paracetamol	USP 35	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., LTD	No.35 Weixu North Road, Anqiu,Shandong, China.	China
Tiphasidol (viên nén)	VD-8770-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Adiphenine Hydrochloride	NSX	Ji' nan Orgachem Pharmaceutical Co., Ltd	F9, Yingxiu Road, Hight-New Technology Development Zone, Jinan - 250100, Shandong, China	China
Tiphasidol (viên nén)	VD-8770-09	27/07/2017	Công ty CPDP Tipharco	Diphenhydramine Hydrochloride	USP 35	Qidong Dongyue Pharmaceutical Co., Ltd	Hehe town, Qidong city, Jiangsu Province, China	China
SARA FOR CHILDREN	VD-9905-09	18/07/2017	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Paracetamol	USP 36	Mallinckrodt, Inc. Raleigh Plant	8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616 USA	USA
NEOTICA BALM	VD-9903-09	18/07/2017	Công ty TNHH Thai Nakorn Patana Việt Nam	Methylsalicylat	NF 31	Novacyl	38150 Roussillon, France	France
Piracetam	VD-9549-09	31/05/2017	Công ty CP Dược phẩm Sao Kim	Piracetam	EP 7/8	Northeast pharmaceutical group Co., Ltd	No.37 Zhonggong Bei Street,Tiexi District,Shenyang,Liaoni ng Province,China	China
NEOSAMIN	VD-5218-08	27/07/2017	Công ty CP SPM	Glucosamine HCl	NSX	SJZ Chem- Pharm Co.,Ltd.	12/F, Chengming, No.26, Huaian East Street, Shijiazhuang Hebei 050000, China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
NEOSAMIN	VD-5218-08	27/07/2017	Công ty CP SPM	Sodium Chondroitin sulfate	NSX	Jiaxing Hengjie Biopharmaceutical Co.,Ltd(China)	No.20 Tongyi Road, Xinfeng Industrial Park, Jiaxing, Zhejiang 314005 China	China
NEOSAMIN	VD-5218-08	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin C	NSX	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., ltd	Vitamin C: 61 Jiangshan Road, Jingjiang City, Jiangsu Province, 214500	China
NEOSAMIN	VD-5218-08	27/07/2017	Công ty CP SPM	Mangan sulfat	NSX	Dr Paul Lohmann(Germany).	Hauptstrasse 2 D-31860 Emmerthal	Germany
MYPARA C	VD-9707-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Paracetamol □	NSX & BP2012	ANQUI LU'AN PHARMACEUTICAL CO.,LTD.	No.35, Weixu North Road, Anqiu, Shandong China. Tel: 86-536-4386559; Fax: 86-536-4390696.	China
MYPARA C	VD-9707-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin C	EP7/ USP36	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., ltd	61 Jiangshan Road, Jingjiang City, Jiangsu Province, 214500	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Vitamin A	USP 32-->39 EP7-8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany. Tel:+49(0)621 60-0; Fax:+49(0)621 60- 42525.	Germany
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Vitamin D3	USP 32-->39 EP7-8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany. Tel:+49(0)621 60-0; Fax:+49(0)621 60- 42525.	Germany
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Vitamin E	USP 32-->39 EP7-8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany. Tel:+49(0)621 60-0; Fax:+49(0)621 60- 42525.	Germany
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B1	USP 32-->39 EP7-8	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd.	Le'anjiang Industrial Zone, Leping,Jiangxi, 333300, China. Tel: +86-798-6702222.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B2	USP 32-->39 EP7-8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany. Tel:+49(0)621 60-0; Fax:+49(0)621 60- 42525.	Germany
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Vitamin C	USP 32-->39 EP7-8	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., ltd.	61 Jiangshan Road, Jingjiang City, Jiangsu Province, 214500 .	China
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B6	USP 32-->39 EP7-8	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd.	Le'anjiang Industrial Zone, Leping,Jiangxi, 333300, China.	China
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Vitamin PP	USP 32-->39 EP7-8	Vitamin PP: Tianjin Zhongrui □	Chengguan Town , Wuqing Borough, Tianjin 301712, China	China
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B5	USP 32-->39 EP7-8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany.	Germany
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Sắt fumarat	USP 32-->39 EP7-8	Ferro Chem pharma chemical LTD-	6766 Dóc, Erdő sor 13,Magyarország	Hungary
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Magnesi oxyd	USP 32-->39 EP7-8	Dr Paul Lohmann(Germ any).	Hauptstrasse 2 D-31860 Emmerthal	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Zinc	USP 32-->39 EP7-8	Canton Laboratories, India	110-A & B GIDC, Makarpura, Post Box No. 778, Vadodara - 390010, India	India
SUPERTON	VD-4929-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Calci (Calci dibasic phosphat & Calci pantothenat)	USP 32-->39 EP7-8	Reephos Chemical Ltd	NO.26, Linpu Road, Lianyungang, Ji angsu.China	China
FLAZOLE 500	VD-5214-08	27/07/2017	Công ty CP SPM	Ribavirin	USP 36-->38	Jinan Mingxin Pharmaceutical Co., Ltd - China	No.7 Three Road, Longshan High Tech, Park, Zhangqiu, Jinan, Shangdong, China	China
LAPRYL	VD-5215-08	27/07/2017	Công ty CP SPM	Lansoprazol	NSX	Smilax Laboratories Limited.	#6/3/1090, TSR Towers, Above Standard Chartered Bank, 4th Floor(B- Block) Rajbhavan Road, Somajiguda, Hyderabad-500 082, A.P.,India.	India
LORAMIDE	VD-5590-08	27/07/2017	Công ty CP SPM	Lamivudin	USP35-->38	Shijiazhuang Lonzeal Pharmaceuticals Co., Ltd - China	No.16, West Ring Road, Shenze, Shijiazhuang, Hebel province, 052560 P.R.China	China
DEVUDIN SPM	VD-5825-08	27/07/2017	Công ty CP SPM	Lamivudin	USP35-->38	Shijiazhuang Lonzeal Pharmaceuticals Co., Ltd - China	No.16, West Ring Road, Shenze, Shijiazhuang, Hebel province, 052560 P.R.China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
DIGELASE	VD-6484-08	02/06/2017	Công ty CP SPM	Simethicone	EP7,8/USP36- >38	RioCare India Pvt., Ltd.	Plot No, R-39, TTC Industrial Area, MIDC Rabale, Navi Mumbai- 400701, Maharashtra, India	India
ENPOVID C	VD-7744-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin C	USP 32--39 EP7-->8	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., ltd	61 Jiangshan Road, Jingjiang City, Jiangsu Province, 214500	China
ENPOVID C	VD-7744-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B1	USP 32--39 EP7-->8	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd.	Le'anjiang Industrial Zone, Leping,Jiangxi, 333300, China.	China
ENPOVID C	VD-7744-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B2	USP 32--39 EP7-->8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany.	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ENPOVID C	VD-7744-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B5	USP 32--39 EP7-->8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany.	Germany
ENPOVID C	VD-7744-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B6	USP 32--39 EP7-->8	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd.	Le'anjiang Industrial Zone, Leping,Jiangxi, 333300, China.	China
ENPOVID C	VD-7744-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B12	USP 32--39 BP2012-2014	North China Pharmaceutical Victor Co.,Ltd.	No 9, Zhaiying North Street, Shijiang China.	China
ENPOVID C	VD-7744-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin PP	USP 32--39 EP7-->8	Tianjin Zhongrui	Chengguan Town , Wuqing Borough, Tianjin 301712, China	China
GALEPO	VD-7745-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Natri Chondroitin sulfate	USP 32--39 BP2012-2014	Jiaxing Hengjie Biopharmaceuti cal Co.,Ltd.	(No.20,Tongyi Road) East Of Xinhe Road, Xinfeng Town, Jiaxing, Zhejiang, China.	China
GALEPO	VD-7745-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Cholin bitartrat	USP 32--39 BP2012-2014	Balchem- Italia	Via Porto, 28040 Marano Ticino NO, Ytaly.	China
GALEPO	VD-7745-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin A	USP 32--39 BP2012-2014	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany.	Germany
GALEPO	VD-7745-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin E	USP 32--39 BP2012-2014	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany.	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
GALEPO	VD-7745-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B1	USP 32--39 BP2012-2014	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping,Jiangxi, 333300, China.	China
GALEPO	VD-7745-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B2	USP 32--39 BP2012-2014	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany. Tel:+49(0)621 60-0; Fax:+49(0)621 60- 42525.	Germany
NUTRIGINSEN	VD-7747-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin A	USP 32-->39 EP7-8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany.	Germany
NUTRIGINSEN	VD-7747-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin D3	USP 32-->39 EP7-8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany.	Germany
NUTRIGINSEN	VD-7747-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin E	USP 32-->39 EP7-8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany.	Germany
NUTRIGINSEN	VD-7747-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B1	USP 32-->39 EP7-8	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd.	Le'anjiang Industrial Zone, Leping,Jiangxi, 333300, China.	China
NUTRIGINSEN	VD-7747-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B2	USP 32-->39 EP7-8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafan,67056, Germany.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
NUTRIGINSEN	VD-7747-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin C	USP 32-->39 EP7-8	Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., Ltd.	61 Jiangshan Road, Jingjiang City, Jiangsu Province, 214500	China
NUTRIGINSEN	VD-7747-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B6	USP 32-->39 EP7-8	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd.	61 Jiangshan Road, Jingjiang City, Jiangsu Province, 214500	Germany
NUTRIGINSEN	VD-7747-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin PP	USP 32-->39 EP7-8	Tianjin Zhongrui	Chengguan Town , Wuqing Borough, Tianjin 301712, China	China
NUTRIGINSEN	VD-7747-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B5	USP 32-->39 EP7-8	BASF	No.38, Carl Bosch Road, Ludwigshafen,67056, Germany.	Germany
NUTRIGINSEN	VD-7747-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Canxi	USP 32-->39 EP7-8	Reephos Chemical Co.,Ltd.	Plot No 69-45, South Julong Street, Xinpu Lianyungang, Jiangsu, China.	China
NUTRIGINSEN	VD-7747-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Magnesi oxyd	USP 32-->39 EP7-8	Dr Paul Lohmann (Germany).	Hauptstrasse 2 D-31860 Emmerthal	Germany

Tên thuốc (1)	SDK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ADOFEX	VD-8988-09	02/06/2017	Công ty CP SPM	Fe Aminoate	NSX	Global Calcium Pvt.,Ltd.	Post box No.3411, No.1, Hundred Feet Road, V Block Koramangala, Bangalore-560 095, India.	India
ADOFEX	VD-8988-09	02/06/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B6	USP 32--39 BP2012-2014	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd.	Le'anjiang Industrial Zone, Leping,Jiangxi, 333300, China.	China
ADOFEX	VD-8988-09	02/06/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B12	USP 32--39 BP2012-2014	DSM Nutritional Products Ltd(Anh)	Postfach 1145 D-79 629 Grenzach-Wyhlen. Tel: +49(0)76249090.	UK
ADOFEX	VD-8988-09	02/06/2017	Công ty CP SPM	Acid Folic	USP 32--39 BP2012-2014	DSM Nutritional Products Asia Pacific Pte.,Ltd.	2 Havelock Road #04- 01-Singapore.	Singapore
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin A	USP 32-->39 EP7-8	BASF	38 Đường Carl Bosch, Ludwigshafen, 67056; Tel: +49 (0)621 60-0;	Germany
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin D3	USP 32-->39 EP7-8	BASF	38 Đường Carl Bosch, Ludwigshafen, 67056; Tel: +49 (0)621 60-0;	Germany
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin E	USP 32-->39 EP7-8	BASF	38 Đường Carl Bosch, Ludwigshafen, 67056; Tel: +49 (0)621 60-0;	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin C	USP 32-->39 EP7-8	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu) Co., ltd .	61 Jiangshan Road, Jingjiang City, Jiangsu Province, 214500	China
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B1	USP 32-->39 EP7-8	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping,Jiangxi, 333300, China. Tel: +86-798-6702222.	China
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B2	USP 32-->39 EP7-8	BASF	38 Đường Carl Bosch, Ludwigshafen, 67056; Tel: +49 (0)621 60-0;	Germany
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B6	USP 32-->39 EP7-8	Jiangxi Tianxin Pharmaceutical Co.,Ltd	Le'anjiang Industrial Zone, Leping,Jiangxi, 333300, China.	China
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B12	USP 32-->39 EP7-8	North China Pharmaceutical Victor Co.,Ltd.	No 9, Zhaiying North Street, Shijiang China.	China
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin PP	USP 32-->39 EP7-8	Tianjin Zhongrui	Chengguan Town , Wuqing Borough, Tianjin 301712, China	China
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B5	USP 32-->39 EP7-8	BASF	38 Đường Carl Bosch, Ludwigshafen, 67056;	Germany
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Acid folic	USP 32--39 BP2012-2014	DSM Nutritional Products Ltd(Anh)	Postfach 1145 D-79 629 Grenzach-Wyhlen.	UK

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Vitamin B8	USP 32--39	Zhejiang Nhu Company Ltd- China	No.4 JiangBei Road, Chengguan town, Xinchang County, Zhejiang, China	China
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Magnesi(magnesi oxyd)	USP 32-->39 EP7-8	Dr Paul Lohmann(Germ any).	Hauptstrasse 2 D-31860 Emmerthal	Germany
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Tri-calci phosphat	USP 32-->39 EP7-8	American Pharmaceutical & Health Products, Inc.	2240 Stoney Point Farm Road Cumming, GA 30041	USA
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Iod	USP 32-->39 EP7-8	American Pharmaceutical & Health Products, Inc.	2240 Stoney Point Farm Road Cumming, GA 30041	USA
ENPOVID MAMA	VD-9704-09	27/07/2017	Công ty CP SPM	Cholin	USP 32-->39 EP7-8	Balchem- Italia	Via Porto, 28040 Marano Ticino NO	Italy
AMIRIDE 2	VD-8506-09	30/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Glimepiride	USP 36, USP 37, USP 38	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	CTO Unit II, Plot No. 110 & 111, Sri Venketeswara Co- operative Industrial Estate, Bollaram, Jinnaram Mandal, Medak Dist., Telangana State - 502325, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
AMIRIDE 4	VD-8507-09	30/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Glimepiride	USP 36, USP 37, USP 38	Dr. Reddy's Laboratories Ltd.	CTO Unit II, Plot No. 110 & 111, Sri Venketeswara Co- operative Industrial Estate, Bollaram, Jinnaram Mandal, Medak Dist., Telangana State - 502325, India	India
AVASTOR 10	VD-8509-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Atorvastatin calcium trihydrat	NSX	Morepen Laboratories Ltd.	409, Antriksh Bhawan, 22 Kasturba Gandhi Marg, New Delhi - 110001, India	India
AVASTOR 20	VD-8510-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Atorvastatin calci trihydrate	NSX	Morepen Laboratories Ltd.	409, Antriksh Bhawan, 22 Kasturba Gandhi Marg, New Delhi - 110001, India	India
BOSFLONBOST ON	VD-8513-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Diosmin	EP 7.0, EP 8.0	Chengdu Yazhong Bio- Pharmaceutical Co., Ltd.	Lichun Town, Pengzhou, Sichuan, China	China
BOSFLONBOST ON	VD-8513-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Hesperidin	NSX	Chengdu Yazhong Bio- Pharmaceutical Co., Ltd.	Lichun Town, Pengzhou, Sichuan, China	China
BOSMECT	VD-8514-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Diosmectite	CP 2015 (China Pharmacopoeia)	Henan Life Pharmaceutical Co., Ltd.	No . 836 Funju Road, 473000, Nanyang, Henan, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
BOSMECT	VD-8514-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Diosmectite	CP 2015 (China Pharmacopoeia)	Shandong Hongjitang Pharmaceutical Group Co., Ltd.	No.30766 Jingshidong Road, Jinan, China Jinan, Shandong	China
BOSTAREL 20	VD-8518-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Trimetazidine dihydrochloride	EP 7.0, EP 8.0	Sharon Bio- Medicin Ltd.	C-312, BSEL Tech Park, Sector 30(A), Vashi, Navi Mumbai- 400703, India	India
EFFER- PARALMAX 150	VD-9348-09	21/06/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Paracetamol	USP 37, USP 38	Granules India Limited	2nd Floor, 3rd Block, My Home Hub, Madhapur, Hyderabad- 500081, India	India
EFFER- PARALMAX 250	VD-9349-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Paracetamol	USP 37, USP 38	Granules India Limited	2nd Floor, 3rd Block, My Home Hub, Madhapur, Hyderabad- 500081, India	India
EFFER- PARALMAX 500	VD-9350-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Paracetamol	USP 37, USP 38	Granules India Limited	2nd Floor, 3rd Block, My Home Hub, Madhapur, Hyderabad- 500081, India	India
EFFER- PARALMAX 80	VD-9351-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Paracetamol	USP 37, USP 38	Granules India Limited	2nd Floor, 3rd Block, My Home Hub, Madhapur, Hyderabad- 500081, India	India
ENARIL 5	VD-8524-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Enalapril maleate	USP 36, USP 37, USP 38	Zhejiang huahai Pharmaceutical Co., Ltd.	Xunqiao, Linhai, Zhejiang, China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
ENARIL 10	VD-8523-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Enalapril maleate	USP 36, USP 37, USP 38	Zhejiang huahai Pharmaceutical Co., Ltd.	Xunqiao, Linhai, Zhejiang, China	China
EUCATOL	VD-8525-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Menthol	USP 32, USP 33, USP 34, USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Anhui Great Nation Essential Oils Co., Ltd.	No.37, Xinyang Road, Economic And Technological Development Zone, Fuyang City, Anhui Province, China	China
EUCATOL FORTE	VD-8526-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Menthol	USP 32, USP 33, USP 34, USP 35, USP 36, USP 37, USP 38	Anhui Great Nation Essential Oils Co., Ltd.	No.37, Xinyang Road, Economic And Technological Development Zone, Fuyang City, Anhui Province, China	China
FEXOFAST 60	VD-8529-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Fexofenadine hydrochloride	USP 36, USP 37, USP 38	Vasudha Pharma Chem Ltd.	78 / A, Vengalrao Nagar,Hyderabad - 500038. Telangana State, INDIA	India
FEXOFAST 180	VD-8528-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Fexofenadine hydrochloride	USP 36, USP 37, USP 38	Vasudha Pharma Chem Ltd.	78 / A, Vengalrao Nagar,Hyderabad - 500038. Telangana State	India
GANPOTEC	VD-8530-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Arginine tidiacicate	NSX	Dongbang Future Tech&Life Co., Ltd.	78, Jeyakongdan 4-gil, Hyangnam-eup, Hwaseong-si, Gyeonggi- do, 445-937, Korea	Korea

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
MELOXBOSTON 7.5	VD-8535-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Meloxicam	BP 2013, BP 2014	Apex Healthcare Ltd.	4710-GIDC Industrial Estate, Ankleshwar- 393002, Gujarat, India	India
METFORMIN BOSTON 850	VD-8537-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Metformin hydrochloride	BP 2012, BP 2013, BP 2014	Abhilash Chemicals Pvt. Ltd., Pharmaceutical Unit	34/6A, Nayakkanpatty Village, Madurai North Taluk, Madurai- 625301, India	India
OMERAZ 20	VD-8539-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Omeprazole pellets	NSX	Metrochem API Pvt. Ltd.	Flat No. 302, Bhanu Enclave, Sunder Nagar, Erragadda, Hyderabad – 500038, Telangana, India	India
SIMVAZZ 10	VD-8541-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Simvastatin	EP 7.0, EP 8.0	Vigbha HealthCare Pvt. Ltd.	Flat No. S-2, Gemini's Rahul Apartment, No. 16, Rangarajpuram, 2nd street, Kodambakkam, Chennai, 600024, Tamil Nadu, India	India
SIMVAZZ 10	VD-8541-09	24/05/2017	C.ty CPDP Boston Việt Nam	Simvastatin	EP 7.0, EP 8.0	Topfond Pharmaceutical Co., Ltd.	No.2 Guangming Road Zhuradian Henan, China	China
Tofluxine (hồng – vàng)	VD-8403-09	06/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Dextromethorphan hydrobromide	USP 35	Dr. Reddy's Laboratories Limited	Plot No.9 JN Pharma City, Parawada Visahapatnam – 531021, A.P, India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Tofluxine (hồng - tím)	VD-9236-09	06/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Dextromethrophan hydrobromide	USP 35	Dr. Reddy's Laboratories Limited	Plot No.9 JN Pharma City, Parawada Visahapatnam – 531021, A.P, India	India
Paracetamol 500mg (xanh trắng)	VD-7853-09	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Paracetamol	BP 2012	Anqiu Lu'an Pharmaceutical Co., Ltd.	No 35, Weixu North Road, Anqiu, Sandong, China	China
Paracetamol 500mg (xanh trắng)	VD-7853-09	17/10/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Paracetamol	USP 35	Mallinckrodt Inc	No 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616 USA	USA
Abidal	VD-8393-09	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Betamethasone	USP 35	Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co., Ltd.	No.19, XINYE 9th Street, West Area of Tianjin Economic- Technological Development Area (TEDA), Tianjin, China	China
Abidal	VD-8393-09	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Dexchlorpheniramine maleate	USP 35	Keshava Organics Pvt. Limited	T - 97 & 100, MIDC – Tarapur, Dist. Thane, 401506, Maharashtra, India.	India
Dexamethason 0,5mg (trắng)	VD-7851-09	18/09/2017	Công ty cổ phần Dược Becamex	Dexamethasone acetate	USP 36	Tianjin Tianyao Pharmaceuticals Co., Ltd.	No.19, XINYE 9th Street, West Area of Tianjin Economic- Technological Development Area (TEDA), Tianjin, China	China
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Vitamin A (Retinyl acetat)	EP 5	DSM Nutritional Products Ltd	Branch Site Sisseln, Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln, Switzerland	Switzerland

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Vitamin A (Retinyl acetat)	EP 5	BASF A/S	Malmparken 5, DK- 2750 Ballerup, Denmark	Denmark
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Vitamin D3 (cholecalciferol)	EP 5	DSM Nutritional Products	No. 476 Li Bing Road, Zhangjiang Hi-Tech Park, Pudong New Area, Shanghai, 201203 P.R. China.	China
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Vitamin D3 (cholecalciferol)	EP 5	DSM Nutritional Products Ltd	Branch Site Sisseln, Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln, Switzerland	Switzerland
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Thiamin hydroclorid (Vitamin B1)	EP 5	DSM Nutritional Products Ltd	Branch Site Sisseln, Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln, Switzerland	Switzerland
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Thiamin hydroclorid (Vitamin B1)	EP 5	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Str. 3, 79639 Grenzach- Wyhlen, Germany	Germany
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Riboflavin-5- Phosphat natri (vitamin B2)	EP 5	DSM/ France	Boulevard d'Alsace BP 170 68128 Village Neuf, France	France
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Riboflavin-5- Phosphat natri (vitamin B2)	EP 5	DSM Nutritional Products	Boulevard d'Alsace BP 170 68128 Village Neuf, France	France
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Nicotinamid (Vitamin PP)	EP 5	Western Drugs Ltd	F-271 (A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur- 313 001 (Rajasthan), India	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Nicotinamid (Vitamin PP)	EP 5	DSM Nutritional Products	No. 476 Li Bing Road, Zhangjiang Hi-Tech Park, Pudong New Area, Shanghai, 201203 P.R. China.	China
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Pyridoxin hydroclorid (Vitamin B6)	EP 5	DSM Nutritional Products Ltd	Branch Site Sisseln, Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln, Switzerland	Switzerland
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Pyridoxin hydroclorid (Vitamin B6)	EP 5	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Str. 3, 79639 Grenzach- Wyhlen, Germany	Germany
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Cyanocobalamin (Vitamin B12)	EP 5	DSM Nutritional Products Ltd	Branch Site Sisseln, Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln, Switzerland	Switzerland
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Calci glycerophosphat	NSX	Dr. Paul Lohmann GmbH KG.	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal/Germany	Germany
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Calci glycerophosphat	NSX	Givaudan Lavirotte	56, rue Paul Cazeneuve – BP 8334 F-69356 Lyon Cedex 08, France.	France
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Magnesi gluconat	USP 29/NF24	Givaudan Lavirotte/ France	56, rue Paul Cazeneuve – BP 8334 F-69356 Lyon Cedex 08, France.	France
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Magnesi gluconat	USP 29/NF24	Jost Chemical Co.	8150 Lackland St. Louis, MO 63114, USA	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Lysin hydroclorid	EP 5	Shijiazhuang Shixing Amino Acid Co.,Ltd	No.260-1, Heping Donglu, Shijiazhuang, P.R. China	China
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ferrous (II) gluconat dihydrat	EP 5	Dr.Paul Lohmann	Hauptstrasse 2, D- 31860 Emmerthal/Germany	Germany
Vitapoly	VD-5937-08	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ferrous (II) gluconat dihydrat	EP 5	Jost Chemical Co.	8150 Lackland St. Louis, MO 63114, USA	USA
Ostovel 35	VD-9481-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Risedronat natri hemi-pentahydrat	NSX	Anek prayog pvt. Ltd	57/2, M.I.D.C. Ind. Area, dhatav, roha, (dist. Raigad) – 402 116. Maharashtra. India	India
Ostovel 35	VD-9481-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Risedronat natri hemi-pentahydrat	NSX	Iffect chemphar/ China	Suite A2, 15/G Hillier Comm BLDG, 65-67 Bonham Strand East, Sheung Wan, Hongkong, P.R.China.	China
Ametifen Codeine Forte	VD-6808-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	BP 2013	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA
Ametifen Codeine Forte	VD-6808-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	BP 2013	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
LIVERVIT PLUS	VD-6836-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid Ursodeoxycholic	BP 2010	Xiamen Fine Chemical Import & Export Co.,Ltd	14/F, Fund Building, 20 South Hubin Road,Xiamen,China 361004.	China
LIVERVIT PLUS	VD-6836-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid Ursodeoxycholic	BP 2010	Suzhou Tianlu Bio- Pharmaceutical Co.,Ltd	1128 Yinzhong South Road, Wuzhong Economic Development Zone, Suzhou 215124, China	China
LIVERVIT PLUS	VD-6836-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Thiamin nitrat	BP 2010	DSM Nutritional Products Ltd	Branch Site Sisseln, Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln, Switzerland	Switzerland
LIVERVIT PLUS	VD-6836-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Thiamin nitrat	BP 2010	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Str. 3, 79639 Grenzach- Wyhlen, Germany	Germany
LIVERVIT PLUS	VD-6836-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Riboflavin	BP 2010	BASF	14-16/F, KCCI Building, 45 Namdaemunro 4-ga, Jung-gu, Seoul, 100- 743, Korea	Korea
LIVERVIT PLUS	VD-6836-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Riboflavin	BP 2010	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Str. 3, 79639 Grenzach- Wyhlen, Germany	Germany

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Urtivit capsules	VD-9494-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid Ursodeoxycholic	BP 2010	Xiamen Fine Chemical Import & Export Co.,Ltd	14/F, Fund Building, 20 South Hubin Road,Xiamen,China 361004.	China
Urtivit capsules	VD-9494-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid Ursodeoxycholic	BP 2010	Suzhou Tianlu Bio- Pharmaceutical Co,Ltd	1128 Yinzhong South Road, Wuzhong Economic Development Zone, Suzhou 215124, China	China
Urtivit capsules	VD-9494-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Thiamin nitrat	BP 2010	DSM Nutritional Products Ltd	Branch Site Sisseln, Hauptstrasse 4, CH- 4334 Sisseln, Switzerland	Switzerland
Urtivit capsules	VD-9494-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Thiamin nitrat	BP 2010	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Str. 3, 79639 Grenzach- Wyhlen, Germany	Germany
Urtivit capsules	VD-9494-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Riboflavin	BP 2010	BASF	14-16/F, KCCI Building, 45 Namdaemunro 4-ga, Jung-gu, Seoul, 100- 743, Korea	Korea
Urtivit capsules	VD-9494-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Riboflavin	BP 2010	DSM Nutritional Products GmbH	Emil-Barell-Str. 3, 79639 Grenzach- Wyhlen, Germany	Germany
Midocold	VD-6825-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	BP 2013	Mallinckrodt	Raleigh Plant 8801 Capital Boulevard Raleigh, NC 27616- 3116 USA.	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Midocold	VD-6825-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Paracetamol	BP 2013	Novacyl (Wuxi) pharmaceutical Co., LTD	8 Guang Shi Xi Road, Wuxi, Jiangsu, China, 214185	China
Midocold	VD-6825-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Cafein	BP 2010	Shandong Xinhua Pharmaceutical Co, Ltd	East Chemical Zone of High & New Technology Development Zone, Zhangdian District, Zibo, Shandong, China	China
Midocold	VD-6825-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Cafein	BP 2010	CSPC Innovation Pharmaceutical Co., Ltd	No. 36 Fuqiang Western Road, Luancheng County, Shijazhuang, China	China
Midocold	VD-6825-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Phenylephrin HCl	BP 2013	Malladi Drugs & Pharmaceuticals Limited	Plot No. 7B & 7C, SIPCOT Industrial Complex, Ranipet. Vellore Dist. Tamil Nadu. Pin – 632 403, India	India
Midocold	VD-6825-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Phenylephrin HCl	BP 2013	Divi's Laboratories Limited	Unit 2 Chippada Village, Annavaram Post,Bheemunipatnam Mandal,Visakhapatnam Dist, Andhra Pradesh - 531 162, India.	India

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Cardicare 5	VD-6818-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Enalapril maleat	USP 34/NF29	Hetero Drugs Limited	Survey No. 599, Temple Road, Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, Medak District, Andhra Pradesh, India	India
Cardigix 10	VD-7556-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Enalapril maleat	BP 2013	Hetero Drugs Limited	Survey No. 599, Temple Road, Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, Medak District, Andhra Pradesh, India	India
CALCILAC	VD-7555-09	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Calci glucoheptonat	EP 5	Givaudan Lavirotte	56, rue Paul Cazeneuve – B.P.8344 69356 LYON Cedex 08	France
CALCILAC	VD-7555-09	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Calci glucoheptonat	EP 5	Seppic	22 Terrasse Bellini 92806 Puteaux	France
CALCILAC	VD-7555-09	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Calci gluconat monohydrat	EP 5	Jiangxi Ganjiang Pharmaceutical Co.,Ltd.	Shanghang, North Ji'an City, Jiangxi Province in China.	China
CALCILAC	VD-7555-09	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Calci gluconat monohydrat	EP 5	Zhejiang Ruibang	No.578 Binhai Ten Road, Economic and Technological Development Zone, Wenzhou, 325025, P.R.China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
CALCILAC	VD-7555-09	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid ascorbic	EP 5	DSM Nutritional Products (UK) Ltd	Drakemyre Dalry KA24 5JJ United Kingdom	UK
CALCILAC	VD-7555-09	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Acid ascorbic	EP 5	Shandong Luwei Pharmaceutical Co.,Ltd	Shuangfeng Industrial Park, Zichuan District, Zibo Shandong, China	China
CALCILAC	VD-7555-09	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ergocalciferol	EP 5	Dishman	Nieuweweg 2-A, 3901 BE Veenendaal, Netherlands	Netherlands
CALCILAC	VD-7555-09	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ergocalciferol	EP 5	Synthesia	Synthesia, a.s. Sementin 103, 53002 Pardubice, Czech Republic	Czech Republic
CALCILAC	VD-7555-09	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Nicotinamid	EP 5	Western Drugs Ltd	F-271 (A), Mewar Industrial Area, Madri, Udaipur- 313 001 (Rajasthan), India	India
CALCILAC	VD-7555-09	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Nicotinamid	EP 5	DSM (China) Limited	No. 476 Li Bing Road, Zhangjiang Hi-Tech Park, Pudong New Area, Shanghai, 201203 Greater China	China
Arginine OPV	VD-7553-09	21/06/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	L (+) Arginin HCl	EP 5	Shanghai Ajinomoto Amino Acid Co., Ltd	518 Rongle Road East Songjiang District, Shanghai 201613, People's Republic of China	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SDK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Duotason	VD-8695-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Mosaprid citrat dihydrat	NSX	Cipla/ India	Mumbai Central, Mumbai – 400 008 India.	India
Duotason	VD-8695-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Mosaprid citrat dihydrat	NSX	ymed Labs Limited	Unit II, Plot No. # 25/B, Phase-III, IDA, Jeedimetla, Hyderabad - 500055, Telangana, India.	India
Deslotid 5	VD-8692-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Desloratadin	NSX	Morepen Laboratories Limited	4 th Fl, Antriksh Bhawan, 22 K.G Marg, New Delhi-110 001, India	India
Deslotid 5	VD-8692-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Desloratadin	NSX	etero Drugs Limit	S.Nos. 213, 214 & 255; Bonthapally Village, Jinnaram Mandal, Medak Dist, Andhra Pradesh, India	India
Ibrafen 400	VD-9468-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ibuprofen	EP 6	Shandong Xinhua	East Chemical Zone of High & New Technology Development Zone, Zhangdian District, Zibo, Shandong, China	China
Ibrafen 400	VD-9468-09	30/05/2017	Công ty cổ phần dược phẩm OPV	Ibuprofen	EP 6	BASF South East Asia Ple Ltd	Highway 77 south, Bishop, TX 78343 USA.	USA
Biragan Codein	VD-8484-09	18/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Acetaminophen USP/Paracetamol Ph Eur	USP37 -> USP39	Mallinckrodt Inc	8801 Capital Boulevard Raleigh Nc 27616 USA	USA

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Biragan Kids 150	VD-8486-09	18/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Acetaminophen/Parace tamol	USP37 -> USP39	Mallinckrodt Inc	8801 Capital Boulevard Raleigh Nc 27616 USA	USA
Biragan Kids 150	VD-8486-09	18/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Ascorbic acid	BP2013 -> BP2016 USP35 -> USP39	DSM Jiangshan Pharmaceutical (Jiangsu)., Ltd	Jiangshan Road, Jingjiang, Jiangsu (214500), P, R. China.	China
Biragan Kids 325	VD-8487-09	31/5/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Acetaminophen/Parace tamol	USP37 -> USP39	Mallinckrodt Inc	8801 Capital Boulevard Raleigh Nc 27616 USA	USA
Claritab 500	VD-8490-09	18/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Clarithromycin	USP37 -> USP39	Zhejiang Guobang Pharmaceutical - China	No 6, Wei Wu Road, Hangzhou Gulf Shangyu Industrial Zone, Zhejiang, China	China
Claritab 500	VD-8490-09	18/7/2017	Công ty Cổ phần Dược - TTBYT Bình Định (Bidiphar)	Clarithromycin	USP37 -> USP39	Zhejiang Better Pharmaceuticals Co., Ltd. - China	San Jiang Road, Paojiang Industrial Zone, Shaoxing 312071, China	China
Celextavin	VD-7598-09	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Betamethasone	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Xianju Pharmaceutical Co., Ltd	Factory 1 Add No: 3 Donghai Fourth Avenue Duqiao Medical Industry Zone Linhai, Zhejiang - China.	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
Celexavin	VD-7598-09	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Dexchlorpheniramine maleate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	MAHTSSHEE LABORATORI ES PVT.,LTD- INDIA.	Add: Plot no: 3014. 3015 G.I.D.C Estate phase-III Napoli - 394116 Dist Bharuch (Gujarat) -India.	India
Bisalaxyl	VD-9596-09	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Bisacodyl	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Dishman Pharmaceuticals and Chemical Ltd-India.	1216/11, 12, 1216/20 To 27,11&12 G.I.D.C. Estate, Phase-IV, Naroda, Ahmedabad- 382330, Gujarat- India.	India
Bisalaxyl	VD-9596-09	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Bisacodyl	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Alcon Biosciences Private Ltd- India.	A-1/2104 , Phase III GDC-Vapi Guarat - 396195 -India.	India
Oralexil	VD-9597-09	30/05/2017	Chi nhánh CTY CP DP TU' VIDIPHA tại Bình Dương	Cephalexin monohydrate	USP 36-39, BP2013-2018, EP6-9, CP 2013-2018	Zhejiang Anglikang Pharmaceutical Co, Ltd-China	Add: 1000 North Shengzhou Avenue, Shengzhou, Zhejiang- China.	China
Skdol Baby 250 Mg	VD-8039- 09	30/05/2017	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	Paracetamol	ĐĐVN III	Anqiu Lu'An Pharmaceutical Co., Ltd.-Tq	No.35 Weixu North Road, Anqiu,Shandong, China. Post Code 262100	China

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------	--------------------	--	------------------------	--	---	--	---	----------------------------------

Tên thuốc (1)	SĐK (2)	Ngày hết hạn SĐK (dd/mm/yy) (3)	Tên NSX (4)	Dược chất (ghi đầy đủ tên, dạng nguyên liệu, dạng muối ...) (5)	Tiêu chuẩn dược chất (6)	Tên NSX nguyên liệu (7)	Địa chỉ NSX sản xuất nguyên liệu (8)	Nước sản xuất (9)
--------------------------------	--------------------------	--	------------------------------	--	---	--	---	--